

THÔNG BÁO

Kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới năm 2020 của huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Trong những năm qua cấp ủy, chính quyền từ huyện tới cơ sở đã tập trung cao trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, cùng với sự chung tay góp sức của nhân dân, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của huyện Tân Yên đã đạt được những kết quả nhất định. Qua kết quả rà soát, đánh giá của Tổ đánh giá các tiêu chí huyện nông thôn mới (*được thành lập theo Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện*), đến nay huyện đã có 22/22 xã đạt chuẩn nông thôn mới và hoàn thành 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới theo quy định.

Để hoàn thiện trình tự, thủ tục đề nghị công nhận huyện nông thôn mới, UBND huyện Tân Yên gửi thông báo đến toàn thể nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội huyện, các doanh nghiệp, HTX, UBND các xã, thị trấn đề xin ý kiến về kết quả xây dựng nông thôn mới và tham gia ý kiến vào dự thảo Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới năm 2020 (*có dự thảo báo cáo đính kèm*). Cụ thể như sau:

1. Hình thức thông báo: Thông báo trên hệ thống đài truyền thanh huyện, xã; công thông tin điện tử huyện (tanyen.bacgiang.gov.vn); dán niêm yết công khai báo cáo tại UBND huyện, UBND các xã, thị trấn, nhà văn hoá các xã, các thôn.

2. Nội dung thông báo: Lấy ý kiến tham gia của toàn thể nhân dân, Ủy ban mặt trận tổ quốc huyện và các tổ chức chính trị- xã hội, các doanh nghiệp, HTX, UBND các xã, thị trấn về kết quả xây dựng nông thôn mới vào dự thảo báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới năm 2020.

3. Hình thức tham gia ý kiến: Tham gia ý kiến bằng văn bản gửi về cơ quan tổng hợp ý kiến tham gia.

- Đối với Ủy ban Mặt trận tổ quốc, các cơ quan khối đảng, đoàn thể huyện, các cơ quan Trung ương, tỉnh đóng trên địa bàn, UBND các xã, thị trấn, các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn huyện: Gửi ý kiến tham gia đóng góp về Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện - Phòng Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp (Địa chỉ: Khu nhà liên cơ quan, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên; địa chỉ mail: phongnn_tanyen@bacgiang.gov.vn, số điện thoại: 02043.578.647).

- Đối với các tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện: Gửi ý kiến tham gia đóng góp về UBND các xã, thị trấn nơi mình sinh sống hoặc địa chỉ mail: phongnn_tanyen@bacgiang.gov.vn.

4. Thời gian thông báo lấy ý kiến: Từ ngày 25/3/2020 đến ngày 10/4/2020.

5. Tổ chức thực hiện:

- Giao Văn phòng HĐND và UBND huyện phối hợp với Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của huyện nội dung thông báo này. Tổng hợp ý kiến đóng góp trên Cổng thông tin điện tử của huyện.

- Giao Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao tăng cường tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh của huyện, xã, đặc biệt trong thời gian tổ chức xin ý kiến.

- Giao UBND các xã, thị trấn triển khai dán công khai thông báo này tại trụ sở UBND xã, nhà văn hoá các thôn trên địa bàn. Tổng hợp kết quả tham gia ý kiến báo cáo UBND huyện theo quy định.

- Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp ý kiến các doanh nghiệp, các HTX đóng trên địa bàn.

- Giao Văn phòng điều phối nông thôn mới huyện, Phòng Nông nghiệp và PTNT tổng hợp ý kiến tham gia đóng góp báo cáo UBND huyện theo quy định.

Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp ý kiến đóng góp gửi về Phòng Nông nghiệp và PTNT trước ngày 15/4/2020.

Trên đây là Thông báo của UBND huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang về kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới năm 2020.

(Gửi kèm theo dự thảo Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của huyện Tân Yên giai đoạn 2011-2020). *lq*

Nơi nhận:

- Lưu: VT, NN;

Bản điện tử:

- TT Huyện uỷ; TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các Ban xây dựng Đảng và Trung tâm BDCT huyện;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Thành viên Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị của tỉnh, Trung ương đóng trên địa bàn huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- LĐVP, TH *lv*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÒNG CHỦ TỊCH



Quang Lượng



Số: /BC-UBND
(Dự thảo)

Tân Yên, ngày tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới của huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011 - 2020

Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới, sau 10 năm triển khai thực hiện, huyện Tân Yên đã đạt được nhiều kết quả nổi bật: Hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện có nhiều chuyển biến tích cực, bộ mặt nông thôn được đổi mới, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn; quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định.

UBND huyện Tân Yên báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2011 - 2020, như sau:

Phần thứ nhất

ĐẶC ĐIỂM CHUNG

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHUNG

1. Vị trí địa lý, dân số: Tân Yên là huyện miền núi phía Tây của tỉnh Bắc Giang, có diện tích tự nhiên 208,34 km², nằm cách thành phố Bắc Giang 15km về phía Nam theo Quốc lộ 17, cách huyện Sóc Sơn - Hà Nội 30km về phía Tây theo đường tỉnh 295, cách thành phố Thái Nguyên 40 km về phía Bắc theo đường tỉnh 294; cách huyện Chi Lăng - Lạng Sơn 76 km về phía Đông theo đường tỉnh 295. Huyện gồm 24 đơn vị hành chính cấp thị trấn và cấp xã (2 thị trấn và 22 xã), dân số trung bình năm 2019: 177.901 người, mật độ dân số trên 850 người/km². Đến tháng 3 năm 2020, huyện có 22 đơn vị hành chính cấp xã (20 xã và 2 thị trấn) do sát nhập xã Cao Thượng vào Thị trấn Cao Thượng, xã Nhã Nam vào Thị trấn Nhã Nam.

Huyện Tân Yên có vị trí địa lý nằm liền kề với trung tâm các thành phố lớn như Hà Nội, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Ninh; huyện Tân Yên được xác định là một trong các huyện của tỉnh Bắc Giang trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 với động lực phát triển chính là nông nghiệp, sản xuất, chế biến nông sản, thương mại, dịch vụ.

2. Địa hình: Huyện Tân Yên có địa hình đồi núi thấp, thoai thoải hướng Tây Bắc - Đông Nam mang đặc trưng địa hình bán sơn địa, được chia thành 3 vùng là: Vùng đồi núi thấp, vùng trung du và vùng thấp; độ cao trung bình của huyện từ 10 - 15 m so với mực nước biển, điểm cao nhất là núi Đót 121,8 m (thuộc xã Phúc Sơn), điểm thấp nhất 1,0 m (thuộc cánh đồng Chủ, xã Quế Nham);

địa hình đồng bằng chiếm khoảng 60,3%, địa hình đồi núi chiếm khoảng 39,7%, tạo điều kiện thuận lợi trong việc phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo tiềm năng từng vùng: cây ăn quả, rau màu thực phẩm các loại, phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi thủy sản.

3. Tài nguyên: Huyện Tân Yên có các loại tài nguyên: đất, nguồn nước mặt, tài nguyên rừng. Với 3 nhóm đất khác nhau: Phù sa, xám bạc màu, đất Feralitic,...phù hợp với nhiều loại cây trồng như lúa, cây rau màu, cây ăn quả. Tận dụng nguồn nước mặt của các sông chính như hệ thống Nông Giang, sông Thương, sông Máng, suối Cầu Đông, ngòi Đình Vòng, kênh 5 và còn có 78 hồ đập lớn nhỏ đáp ứng được nhu cầu nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp phục vụ cho sinh hoạt của nhân dân trong huyện. Toàn huyện có 1.014,5 ha rừng, trong đó diện tích rừng sản xuất 1.011,5 ha, rừng tái sinh tự nhiên 3 ha,...

4. Văn hoá: Tân Yên là vùng đất có truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước và truyền thống cách mạng. Huyện Tân Yên, có 429 điểm di tích lịch sử văn hóa (trong đó có 95 di tích đã được xếp hạng) nhiều di tích có kiến trúc tinh xảo và hoài cổ, bố cục đặc trưng văn hóa Bắc Bộ với hình ảnh cây đa, bến nước, sân đình: Tiêu biểu như 12 điểm di tích Quốc gia đặc biệt (*gồm đình Nội; đình Cao Thượng; đình chùa Hà; đình Dương Lâm; cụm di tích đình, chùa, đền, nghè Vòng; Khu lưu niệm Hoàng Hoa Thám, Đồi Phủ - Nghĩa Địa Pháp; Ao ông Trấn Ký, đền Góc Dẻ, đền Góc Khé, đình Chuông*) và một số di tích, thắng cảnh nổi tiếng của huyện như: Khu du lịch tâm linh sinh thái Núi Dành; khu lưu niệm 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân - Chùa Tứ Giáp; đền thờ Quận Công Giáp Đăng Luân, Đình Vương, chùa Không Bụt, chùa Kim Tràng; đình Yên Lý, phần mộ nàng Giã Đại Thành...Hàng năm, huyện chỉ đạo các xã, thị trấn, các thôn tổ chức trung bình 170 lễ hội làng và 05 lễ hội lớn gồm: Lễ hội đình Vòng (Song Vân), đình Hà (Tân Trung), đền Dành (Liên Chung), đền Trùng (Ngọc Châu), lễ hội Bảo Lộc Sơn (Việt Lập). Trong các lễ hội đều có các hoạt động quảng bá, giới thiệu về di tích, các sản phẩm du lịch mang đậm nét đẹp truyền thống dân gian của từng địa phương nơi có di tích.

5. Phát triển kinh tế:

Tổng giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu năm 2019 (theo giá hiện hành) đạt 12.928 tỷ đồng, giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu tăng 14,6%, trong đó: Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 4.970 tỷ đồng, tăng 347,79% so với năm 2011; giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 4.201 tỷ đồng, tăng 183,85% so với năm 2011; giá trị sản xuất ngành dịch vụ đạt 3.757 tỷ đồng, tăng 644,42% so với năm 2011. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực, tỷ trọng nông lâm thủy sản 32,5%; công nghiệp - xây dựng 38,4%; dịch vụ 29,1%. Trên địa bàn huyện thu hút được 51 dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp, các dự án hoạt động trên một số lĩnh vực chủ yếu: May công nghiệp, sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất vật liệu xây dựng và

cơ khí... tạo việc làm cho khoảng 8.500 lao động trên địa bàn.

II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Văn bản của Trung ương

- Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia nông thôn mới;
- Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;
- Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí trong Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;
- Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;
- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;
- Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Các văn bản khác của các cơ quan, các bộ, ngành Trung ương có liên quan về chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

2. Văn bản của tỉnh Bắc Giang

- Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 09/12/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010-2020;
- Nghị quyết số 145-NQ/TU ngày 14/7/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang đến năm 2020;
- Kế hoạch 45/KH-UBND ngày 16/9/2011 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 145-NQ/TU ngày 14/7/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang đến năm 2020;
- Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh về

việc quy định một số chỉ tiêu, tiêu chí trong Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh về việc quy định một số tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Kế hoạch số 552/KH-BCĐ ngày 17/02/2020 của Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang năm 2020.

- Các văn bản chỉ đạo của Ban chỉ đạo, các sở, ban, ngành cấp tỉnh về chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

3. Văn bản của huyện Tân Yên

- Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 22/2/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện về 6 Chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng tâm giai đoạn 2011-2015;

- Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND ngày 26/12/2013 của Hội đồng nhân dân huyện về quy định, nội dung, mức hỗ trợ các xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013-2015;

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 23/7/2015 Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Tân Yên lần thứ XXI nhiệm kỳ 2015-2020;

- Nghị quyết số 44/2015/NQ-HĐND ngày 21/12/2015 của HĐND huyện Tân Yên về hỗ trợ thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân huyện về điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 44/2015/NQ-HĐND ngày 21/12/2015 về hỗ trợ xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020.

- Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 29/12/2015 của UBND huyện về việc xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020

- Kế hoạch số 130/KH-BCĐ ngày 20/8/2018 của BCĐ xây dựng NTM huyện về triển khai thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Kế hoạch số 116/KH-BCĐ ngày 05/9/2019 của BCĐ xây dựng nông thôn mới huyện về xây dựng huyện Tân Yên đạt chuẩn NTM năm 2020;

- Nghị quyết số 99-NQ/HU ngày 09/3/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy Tân Yên về xây dựng huyện Tân Yên đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020;

- Các văn bản chỉ đạo của Huyện ủy, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện về chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

III. ĐÁNH GIÁ

1. Thuận lợi

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là chủ trương lớn có tính chiến lược của Đảng, Nhà nước đã được nhân dân đồng tình, hưởng ứng tích cực và được cả hệ thống chính trị vào cuộc quyết liệt nhằm thực hiện

thắng lợi Nghị quyết số 26-NQ/TW Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Chương trình có ý nghĩa và tầm quan trọng đối với đời sống người dân nông thôn và phát triển kinh tế xã hội. Vì vậy, cấp uỷ, chính quyền huyện Tân Yên xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của huyện.

- Nằm ở cửa ngõ phía Tây Bắc của thành phố Bắc Giang, huyện Tân Yên có vị trí địa lý tương đối thuận lợi trong giao lưu phát triển kinh tế - xã hội; có điều kiện tự nhiên thuận lợi, khí hậu ôn hòa, ít chịu thiên tai bão lũ, là khu vực đang trên đà phát triển kinh tế xã hội tương đối đồng đều ở 3 lĩnh vực chính gồm Nông nghiệp; Xây dựng, công nghiệp; Dịch vụ thương mại.

- Đảng bộ, chính quyền, mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân trong huyện đã phát huy truyền thống đoàn kết, không ngừng đổi mới, sáng tạo, nền kinh tế của huyện tiếp tục tăng trưởng mạnh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ - thương mại. Hạ tầng giao thông, công nghiệp, dịch vụ được ưu tiên đầu tư phát triển, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, từng bước thay đổi cơ cấu kinh tế. Có tiềm năng, thế mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa với các sản phẩm chủ lực, đặc trưng; nông dân tích cực áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giá trị sản xuất/ha đất canh tác, góp phần đóng góp cho xây dựng Nông thôn mới. Lĩnh vực lao động, việc làm, đời sống nhân dân được chăm lo, cải thiện rõ rệt. Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, một số hoạt động văn hóa được khôi phục gắn với nét đẹp văn hóa truyền thống. Quốc phòng- an ninh được tăng cường, giữ vững; trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo. Hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố, từng bước đáp ứng yêu cầu lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới.

- Trong quá trình xây dựng nông thôn mới, huyện Tân Yên luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành của tỉnh. Các cấp uỷ đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở quyết tâm cao trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai xây dựng nông thôn mới và có sự đồng thuận tham gia tích cực của nhân dân và sự tham gia ủng hộ có hiệu quả của các doanh nghiệp, con em địa phương đang công tác trên cả nước.

- Thực hiện, lồng ghép có hiệu quả chính sách, cơ chế hỗ trợ của tỉnh, huyện trong xây dựng nông thôn mới: hỗ trợ xi măng cứng hóa đường giao thông nông thôn, dồn điền đổi thửa xây dựng cánh đồng mẫu, sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, xây dựng các chuỗi liên kết trong sản xuất, xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, hỗ trợ doanh nghiệp khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp,...), tạo điều kiện thuận lợi cho huyện Tân Yên trong phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới.

2. Khó khăn

Điều kiện kinh tế - xã hội một số xã khó khăn, xuất phát điểm để xây dựng nông thôn mới của các xã thấp (bình quân đạt 6,2 tiêu chí). Nguồn lực đầu tư cho xây dựng nông thôn mới lớn trong khi đó nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách TW, tỉnh, huyện cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới còn hạn chế. Nguồn thu của các xã chủ yếu từ đầu giá quyền sử dụng đất; thu nhập của một số hộ dân ở nông thôn còn thấp, nên huy động nguồn kinh phí đóng góp của nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Kết cấu hạ tầng kỹ thuật mặc dù được quan tâm đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp nhưng chưa thực sự đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội đặc biệt khó thu hút doanh nghiệp lớn vào địa bàn đầu tư phát triển công nghiệp

Quá trình công nghiệp hóa đã thu hút một lượng lớn lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp, xây dựng, dịch vụ đặc biệt là lao động trẻ, dẫn đến thiếu lực lượng sản xuất nông nghiệp.

Phần thứ hai:

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

I. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Để thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong những năm qua Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Tân Yên đã xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị trọng tâm xuyên suốt; đồng thời tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình. Huyện ủy đã ban hành nghị quyết lãnh đạo; HĐND huyện ban hành nghị quyết về cơ chế hỗ trợ xây dựng nông thôn mới. UBND huyện ban hành các kế hoạch và văn bản triển khai thực hiện: Quyết định thành lập Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các ngành, thành viên ban chỉ đạo; thành lập các Tổ công tác chỉ đạo, hướng dẫn các xã xây dựng nông thôn mới, nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng huyện nông thôn mới. Tổ chức hội nghị, quán triệt các văn bản của Trung ương, của tỉnh; triển khai kế hoạch của Huyện ủy, UBND huyện, Ban chỉ đạo huyện. Chỉ đạo UBND các xã (22/22 xã) thành lập Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã, tiểu ban quản lý, ban giám sát các thôn. Hàng năm, Ban chỉ đạo cấp huyện và ban quản lý cấp xã thường xuyên kiện toàn để đảm bảo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo từng giai đoạn, từng năm.

- UBND huyện, Ban chỉ đạo xây dựng NTM huyện đã ban hành kế hoạch chi tiết thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; trong đó tập trung chỉ đạo cơ quan chuyên môn kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn UBND các xã thực hiện rà soát đánh giá hiện trạng theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới để chỉ đạo 22/22 xã xây dựng quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới theo quy định làm căn cứ triển khai thực hiện. Hàng năm, trên cơ sở

kết quả rà soát đánh giá các tiêu chí, huyện đã lựa chọn các xã có điều kiện thuận lợi về phát triển kinh tế- xã hội, các tiêu chí nông thôn mới tiệm cận đạt chuẩn để tập trung chỉ đạo, chỉ đạo hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới trước lộ trình hàng năm. Đối với các xã còn lại, huyện chỉ đạo hàng năm đăng ký phấn đấu đạt thêm từ 1-2 tiêu chí hoặc một số chỉ tiêu trong các tiêu chí. Việc phân kỳ, xác định lộ trình từng xã theo từng năm, từng giai đoạn được xây dựng chi tiết, khoa học, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra và giúp cho huyện cân đối nguồn thu ngân sách, có cơ chế hỗ trợ kịp thời cho các xã.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, ban, ngành cấp huyện tích cực trong công tác kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn cơ sở kịp thời tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện. Hàng năm, Ban Thường vụ Huyện uỷ đều ban hành quyết định giao MTTQ và các đoàn thể chính trị- xã hội huyện, mỗi cơ quan phụ trách 01 xã được giao nhiệm vụ đạt chuẩn nông thôn mới trong năm, giúp xã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch. Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện tổ chức giao ban với các xã xây dựng nông thôn mới để kịp thời nắm bắt tình hình, tiến độ triển khai ở cơ sở và tháo gỡ vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện. Các ngành, thành viên Ban chỉ đạo huyện hàng tháng chủ động đi cơ sở đôn đốc, hướng dẫn các xã thực hiện nhiệm vụ theo lĩnh vực được phân công.

- Phối hợp với Ủy ban MTTQ chỉ đạo các đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng kế hoạch thực hiện một việc làm cụ thể gắn với tiêu chí xã chưa hoàn thành để giúp xã đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền vận động nhân dân xây dựng nông thôn mới: Giao Ban Tuyên giáo Huyện uỷ xây dựng chuyên mục Tân Yên chung sức xây dựng nông thôn mới trong các bản tin của Huyện uỷ phục vụ sinh hoạt chi bộ hàng tháng; Trung tâm Văn hóa- Thông tin và Thể thao phối hợp với các cơ quan chuyên môn, ban quản lý các xã thường xuyên cập nhật thông tin, tăng thời lượng phát các tin, bài về tình hình, tiến độ, kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, kịp thời phản ánh đưa tin những nơi làm tốt, những cách làm hay sáng tạo, những cá nhân, đơn vị có nhiều thành tích trong xây dựng nông thôn mới; Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội huyện tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; làm tốt chức năng giám sát cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới.

2. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân

Công tác tuyên truyền, vận động được thực hiện thường xuyên, liên tục, với hình thức phong phú, đa dạng. Từ đó, nâng cao nhận thức của cấp uỷ, chính quyền, người dân tích cực hưởng ứng trong quá trình thực hiện. Trang thông tin điện tử huyện xây dựng 907 chuyên mục về nông thôn mới, hệ thống truyền thanh từ huyện đến các xã phát 1876 tin bài; treo trên 2000 panô, khẩu hiệu và

10.112 bằng rôn các loại. Tổ chức 23 lớp tập huấn cho 1.879 đối tượng là cán bộ nông thôn mới cấp huyện, xã, bí thư, trưởng thôn và cán bộ MTTQ thôn, tổ dân phố; 118 hội nghị cán bộ để quán triệt triển khai Chương trình của Huyện ủy, kế hoạch của UBND huyện về xây dựng nông thôn mới cho 7.014 lượt cán bộ chủ chốt của xã, bí thư, trưởng thôn về xây dựng nông thôn mới. Ban chỉ đạo huyện, các ngành thành viên, các xã tổ chức 109 hội nghị tập huấn nghiệp vụ và tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới cho 7.882 lượt cán bộ xã, thôn. Tổ chức 14 cuộc thăm quan, học tập kinh nghiệm tại các tỉnh là điểm sáng trong xây dựng nông thôn mới như: Quảng Ninh, Hà Tĩnh, ...

UBND huyện phát động phong trào thi đua *“Tân Yên chung sức xây dựng nông thôn mới”*, *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”*, *“Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với xây dựng nông thôn mới”*, *“Xây dựng làng văn hóa điển hình sáng-xanh-sạch-đẹp”* đã được các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp hưởng ứng, cụ thể hoá thành phong trào thi đua ở cơ sở với nhiều cách làm sáng tạo.

Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận Huyện ủy đã triển khai và cùng với các tổ chức chính trị - xã hội huyện chủ động lựa chọn những nội dung thiết thực, đầy mạnh công tác tuyên truyền Chương trình xây dựng nông thôn mới đến từng thành viên, hội viên và quần chúng nhân dân thông qua các buổi sinh hoạt, hội thi, tuyên truyền cổ động, phát tờ rơi... Có nhiều cách làm hay, sáng tạo để đẩy mạnh công tác tuyên truyền. Ban Dân vận Huyện ủy với mô hình *“Dân vận khéo”* trong xây dựng nông thôn mới; Hội LHPN với mô hình *“5 không, 3 sạch”*, *“ống tiên, hũ gạo tiết kiệm”* để hỗ trợ gia đình nghèo, phong trào *“ngày chủ nhật xanh”* về vệ sinh môi trường nông thôn, *“tổ hợp tác, tổ phụ nữ liên kết sản xuất, kinh doanh”*; Ủy ban mặt trận Tổ quốc triển khai có hiệu quả mô hình *“Khu dân cư an toàn”*, *“Khu dân cư tự quản bảo vệ môi trường”*; Hội Nông dân với phong trào *“Tặng vườn cây thoát nghèo”*, *“Đoạn đường Hội nông dân tự quản sáng - xanh - sạch - đẹp”*; Hội cựu chiến binh với phong trào triển khai xây *“Nhà tình nghĩa đồng đội”* và cuộc vận động *“Xóa nhà tạm, dột nát”* và nhiều mô hình khác...

Thông qua công tác tuyên truyền vận động, đã làm chuyển biến rõ nét về nhận thức, tư duy của người dân và cán bộ về xây dựng nông thôn mới, người dân có nhận thức tốt về vai trò chủ thể trong xây dựng nông thôn mới, từ đó chủ động tham gia thực hiện Chương trình. Nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới thực sự đã trở thành phong trào trọng tâm trong thi đua yêu nước, là nội dung quan trọng trong Kế hoạch hoạt động của cấp ủy Đảng.

2.2. Công tác đào tạo, tập huấn: Huyện luôn chú trọng đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ các cấp. Từ năm 2011 đến nay đã cử trên 1.879 lượt cán bộ thực hiện Chương trình của huyện, của xã và các thôn tham gia các lớp tập huấn của Trung ương, của tỉnh.

Phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tổ chức 23 lớp tập huấn cho các học viên là cán bộ các cơ quan, tổ chức đoàn thể, cán bộ cấp xã, thôn về các nội dung: Tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới; công tác lập, quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới; công tác dồn điền đổi thửa, gắn với chỉnh trang đồng ruộng; công tác huy động nguồn lực; công tác lập hồ sơ đạt chuẩn nông thôn mới; phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho nông dân.

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

3.1. Về huy động nguồn vốn

Tổng kinh phí thực hiện đến tháng 2/2020 là 3.668,629 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 295,800 tỷ đồng chiếm 8,06%.
- Ngân sách tỉnh: 180,400 tỷ đồng chiếm 4,91%
- Ngân sách huyện: 389,273 tỷ đồng chiếm 10,61%;
- Ngân sách xã: 1.127,423 tỷ đồng, chiếm 30,73%;
- Vốn doanh nghiệp, HTX: 11,200 tỷ đồng, chiếm 0,3%;
- Vốn đóng góp của cộng đồng dân cư, doanh nghiệp, vốn khác: 1.664,533 tỷ đồng, chiếm 45,37%;

3.2. Về quản lý và sử dụng nguồn vốn

- Các nguồn vốn đầu tư cho Chương trình xây dựng nông thôn mới được UBND huyện phân bổ, quản lý, sử dụng đảm bảo đúng nguyên tắc mục đích và đối tượng. Ngân sách cấp huyện ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hoàn thiện các tiêu chí: Giao thông, thủy lợi, trường học, cơ sở vật chất văn hóa của xã, thôn, vệ sinh môi trường và đầu tư phát triển sản xuất.

- Chỉ đạo các chủ đầu tư tập trung triển khai có trọng tâm, trọng điểm nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án trên địa bàn huyện. Trong đó ưu tiên đầu tư các công trình phục vụ phát triển sản xuất, phục vụ dân sinh như: Giao thông, công trình kiên cố hóa kênh mương, trường học, xử lý rác thải,...

- Nguồn vốn của nhân dân đóng góp, nguồn vốn hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân và nguồn vốn khác được thực hiện đúng quy định, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, người dân tự bàn bạc, quyết định, thực hiện đúng quy chế dân chủ, không áp đặt. Nhân dân trực tiếp quản lý, quyết định đầu tư theo đúng các hạng mục trong Đề án đã được phê duyệt. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn do nhân dân đóng góp thông qua ban quản lý thôn, ban giám sát đầu tư cộng đồng. Qua đó đảm bảo sự đồng thuận trong nhân dân, đáp ứng được yêu cầu về tiến độ, chất lượng xây dựng các công trình phúc lợi phục vụ nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân trên địa bàn huyện.

3.3. Nợ xây dựng cơ bản trong nông thôn mới

Từ năm 2011 đến nay, huyện đã quyết liệt trong công tác chỉ đạo thực

10.112 bằng rôn các loại. Tổ chức 23 lớp tập huấn cho 1.879 đối tượng là cán bộ nông thôn mới cấp huyện, xã, bí thư, trưởng thôn và cán bộ MTTQ thôn, tổ dân phố; 118 hội nghị cán bộ để quán triệt triển khai Chương trình của Huyện ủy, kế hoạch của UBND huyện về xây dựng nông thôn mới cho 7.014 lượt cán bộ chủ chốt của xã, bí thư, trưởng thôn về xây dựng nông thôn mới. Ban chỉ đạo huyện, các ngành thành viên, các xã tổ chức 109 hội nghị tập huấn nghiệp vụ và tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới cho 7.882 lượt cán bộ xã, thôn. Tổ chức 14 cuộc thăm quan, học tập kinh nghiệm tại các tỉnh là điểm sáng trong xây dựng nông thôn mới như: Quảng Ninh, Hà Tĩnh, ...

UBND huyện phát động phong trào thi đua “*Tân Yên chung sức xây dựng nông thôn mới*”, “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, “*Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với xây dựng nông thôn mới*”, “*Xây dựng làng văn hóa điển hình sáng-xanh-sạch-đẹp*” đã được các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp hưởng ứng, cụ thể hoá thành phong trào thi đua ở cơ sở với nhiều cách làm sáng tạo.

Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận Huyện ủy đã triển khai và cùng với các tổ chức chính trị - xã hội huyện chủ động lựa chọn những nội dung thiết thực, đầy mạnh công tác tuyên truyền Chương trình xây dựng nông thôn mới đến từng thành viên, hội viên và quần chúng nhân dân thông qua các buổi sinh hoạt, hội thi, tuyên truyền cổ động, phát tờ rơi... Có nhiều cách làm hay, sáng tạo để đẩy mạnh công tác tuyên truyền. Ban Dân vận Huyện ủy với mô hình “*Dân vận khéo*” trong xây dựng nông thôn mới; Hội LHPN với mô hình “*5 không, 3 sạch*”, “*ống tiên, hũ gạo tiết kiệm*” để hỗ trợ gia đình nghèo, phong trào “*ngày chủ nhật xanh*” về vệ sinh môi trường nông thôn, “*tổ hợp tác, tổ phụ nữ liên kết sản xuất, kinh doanh*”; Ủy ban mặt trận Tổ quốc triển khai có hiệu quả mô hình “*Khu dân cư an toàn*”, “*Khu dân cư tự quản bảo vệ môi trường*”; Hội Nông dân với phong trào “*Tặng vườn cây thoát nghèo*”, “*Đoạn đường Hội nông dân tự quản sáng - xanh - sạch - đẹp*”; Hội cựu chiến binh với phong trào triển khai xây “*Nhà tình nghĩa đồng đội*” và cuộc vận động “*Xoá nhà tạm, dột nát*” và nhiều mô hình khác...

Thông qua công tác tuyên truyền vận động, đã làm chuyên biến rõ nét về nhận thức, tư duy của người dân và cán bộ về xây dựng nông thôn mới, người dân có nhận thức tốt về vai trò chủ thể trong xây dựng nông thôn mới, từ đó chủ động tham gia thực hiện Chương trình. Nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới thực sự đã trở thành phong trào trọng tâm trong thi đua yêu nước, là nội dung quan trọng trong Kế hoạch hoạt động của cấp uỷ Đảng.

2.2. Công tác đào tạo, tập huấn: Huyện luôn chú trọng đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ các cấp. Từ năm 2011 đến nay đã cử trên 1.879 lượt cán bộ thực hiện Chương trình của huyện, của xã và các thôn tham gia các lớp tập huấn của Trung ương, của tỉnh.

Đánh giá: Đến nay, 22/22 (100%) xã trên địa bàn huyện Tân Yên đạt chuẩn tiêu chí số 1: Quy hoạch (theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

2. Xây dựng cơ sở hạ tầng:

Hàng năm, UBND huyện chủ động bố trí ngân sách cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, tranh thủ huy động các nguồn vốn của cấp trên, tạo mọi điều kiện thuận lợi thu hút các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đến đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, do đó hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu của huyện đã được nâng cấp, cải thiện đáng kể, kết quả như sau:

2.1. Giao thông nông thôn

Từ năm 2011 đến hết tháng 3/2020, toàn huyện đã thực hiện cứng hóa được 1.297,2 km đường giao thông nông thôn, với tổng kinh phí đầu tư 970,78 tỷ đồng, kết quả cụ thể:

Toàn huyện đã đầu tư cứng hóa làm mới và mở rộng được 1.296,2 km đường giao thông nông thôn, trong đó có 641,84 km được làm mới giai đoạn 2017-2019, với tổng kinh phí đầu tư 970,78 tỷ đồng, cụ thể:

- *Đường trục xã, liên xã:* cứng hoá được 194,99/194,99km đạt 99,49%; các tuyến đường xã trong huyện chủ yếu là đường giao thông nông thôn loại A; 100% đường từ trung tâm xã đến đường huyện đều được nhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo nền đường rộng tối thiểu 6,5m, mặt đường rộng tối thiểu 3,5m đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện quanh năm.

- *Đường trục thôn:* cứng hoá được 564,89/569,51km đạt 99,19%; các tuyến đường thôn chủ yếu là đường giao thông nông thôn loại A đảm bảo nền đường rộng tối thiểu 5m, mặt đường rộng tối thiểu 3,5m. Đối với các trường hợp hiện trạng không thể mở rộng theo quy định thì thực hiện theo thực tế, có bố trí điểm tránh xe thuận lợi dọc tuyến, đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện quanh năm.

- *Đường ngõ, xóm:* đã thực hiện cứng hoá được 418,46/446,39km, đạt 93,74%; các tuyến đường trục thôn chủ yếu đảm bảo nền đường rộng tối thiểu 4,0m, mặt đường rộng tối thiểu 3,0 m; các tuyến đã đảm bảo thoát nước không gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa, phương tiện giao thông đi lại thuận tiện quanh năm.

- *Đường trục chính nội đồng:* đã cứng hoá được 116,04/424,1km đạt 27,36%; các tuyến đường trục chính nội đồng còn lại mặt đường đã lu lèn đất cấp III trở lên đảm bảo cho xe cơ giới đi lại thuận tiện quanh năm.

Đồng thời, các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện thường xuyên được bảo trì, duy tu đảm bảo các quy định về kết cấu đường, an toàn giao thông, thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, một số tuyến đường có trồng cây xanh, trồng hoa tạo cảnh quan xanh- sạch-đẹp.

Đánh giá: Đến nay, 22/22 xã trên địa bàn huyện Tân Yên (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn tiêu chí số 2: Giao thông (theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang).

2.2. Thủy lợi

- Trong 10 năm, huyện đã tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi đồng bộ gắn với mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp từ đó đã thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, vùng sản xuất chuyên canh. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động tại các xã đạt trên 90%.

- Tổng số km kênh mương do xã quản lý được cứng hoá 313,46/497,97 km, đạt 62,9%; hàng năm được nạo vét vào mùa khô; rác thải trên kênh được thu gom thường xuyên, đảm bảo dòng chảy thông thoáng thuận lợi cho công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai trên địa bàn.

- Hệ thống các công trình thủy lợi trên địa bàn các xã hiện nay cơ bản đáp ứng được nhu cầu sản xuất và dân sinh. 100% các xã đã thành lập Ban chỉ huy PCTT-TKCN, thường xuyên kiện toàn bổ sung thành viên Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch phòng, chống thiên tai; Phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn: Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão, Phương án di dân, Phương án khắc phục hậu quả sau mưa bão.

Đánh giá: Đến nay, 22/22 xã trên địa bàn huyện Tân Yên (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn tiêu chí số 3: Thủy lợi (theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang).

2.3. Điện nông thôn

- Hệ thống đường dây, trạm biến áp đã được ngành điện thường xuyên kiểm tra, rà soát, thực hiện đầu tư cải tạo và nâng cấp đảm bảo 100% các xã, thị trấn đều có hệ thống điện nông thôn đạt chuẩn. Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn là 45.810/45.810 hộ, đạt 100%.

Đã triển khai các dự án chống quá tải trên địa bàn các xã: Thay thế và cải tạo đường trục trung áp, lắp đặt thêm các trạm biến áp tại các khu vực đang bị quá tải, thay dây hạ thế, hòm, hộp công tơ. Triển khai Dự án KFW, REII mở rộng cải tạo hệ thống lưới điện hạ thế. Từ năm 2011 đến nay, ngành điện đã đầu tư xây dựng mới 183 trạm biến áp, nâng cấp 85,54 km đường dây trung áp, 278,62 km đường dây hạ áp, với tổng kinh phí đầu tư là 196 tỷ đồng; nguồn điện trên địa bàn ngày một ổn định, an toàn, chất lượng được nâng cao.

Đánh giá: Đến nay, 22/22 xã trên địa bàn huyện Tân Yên (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn tiêu chí số 4: Điện (theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016

của Thủ tướng Chính phủ).

2.4. Trường học:

- Để đẩy mạnh phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học, giai đoạn 2011-2020, toàn huyện đã huy động các nguồn vốn xây mới, cải tạo, nâng cấp các công trình trường học đáp ứng yêu cầu dạy học, hỗ trợ thành lập 42 nhóm trẻ, 8 lớp mẫu giáo độc lập tự thực đáp ứng nhu cầu học tập của con em địa phương và con em công nhân tại các cụm công nghiệp trên địa bàn.

- Đến nay, tỷ lệ phòng học kiên cố của huyện đạt 95% (mầm non đạt 85,6%, tiểu học đạt 91,6%, THCS đạt 97,8%, THPT công lập đạt 100%), cao hơn so với bình quân chung của tỉnh hiện là 87,5%. Toàn huyện có 72/75 trường công lập đạt chuẩn quốc gia còn hiệu lực tính đến thời điểm xét công nhận (tăng 32 trường học đạt chuẩn so với năm 2010), đạt 96% (*Mầm non: 24/25 trường đạt chuẩn; Tiểu học: 24/24 trường đạt chuẩn; Trung học cơ sở: 21/23 trường đạt chuẩn, THPT: 03/03 trường đạt chuẩn*). Số trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 là 9 trường (*Mầm non: 03/25 trường, Tiểu học: 06/24 trường*). Các trường học còn lại cơ sở vật chất cơ bản đã đạt chuẩn, các xã tiếp tục đầu tư một số hạng mục để hoàn thành đạt chuẩn quốc gia đợt 2 năm 2020.

Đánh giá: Đến nay, 22/22 xã trên địa bàn huyện Tân Yên (*tỷ lệ 100%*) đạt chuẩn Tiêu chí số 5: Trường học (*theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ*).

2.5. Cơ sở vật chất văn hóa

Từ năm 2011 đến nay, toàn huyện đã đầu tư xây mới, cải tạo 22 xã, 184 nhà văn hóa thôn, 19 khu thể thao xã và 136 khu thể thao thôn, cụm thôn. 100% nhà văn hóa, khu thể thao của xã, của thôn đều đạt tiêu chuẩn của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch.

- 22/22 xã có hội trường văn hoá đa năng diện tích từ 250-600 m², với sức chứa 250-500 chỗ ngồi, có các phòng chức năng, đảm bảo phục vụ các sự kiện, hội nghị, sinh hoạt văn hóa của xã; 22/22 xã có khu thể thao xã, diện tích trên 2.000 m² đảm bảo phục vụ các sự kiện lớn, các hoạt động sinh hoạt văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí của toàn xã.

- 317/317 thôn của 22 xã có nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao, sân thể thao đơn giản diện tích từ 400 m² trở lên (*toàn huyện hiện có 50 nhà tập luyện, nhà thi đấu thể thao, có 797 sân tập luyện, thi đấu thể thao*) có trang bị một số thiết bị cần thiết phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí để trẻ em, người cao tuổi hoạt động văn hóa, thể thao như: Sinh hoạt các câu lạc bộ văn nghệ, cầu lông, bóng bàn, bóng chuyền, bóng đá...

Toàn huyện có 10 bể bơi đủ tiêu chuẩn hoạt động, các bể bơi đều thực hiện nghiêm túc các quy định của nhà nước để tổ chức hoạt động. Về hoạt động dạy bơi trên địa bàn, hàng năm, UBND các xã chỉ đạo các nhà trường, Đoàn thanh

niên xã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống đuối nước cho học sinh, thanh thiếu niên trên địa bàn xã; 100% các xã đã thành lập tổ dạy bơi, các tổ dạy bơi đều theo quyết định thành lập của Chủ tịch UBND xã và có quy chế hoạt động riêng, các tổ dạy bơi có nhiệm vụ tổ chức dạy bơi cho thanh thiếu niên trên địa bàn.

Đánh giá: Đến nay, 22/22 xã trên địa bàn huyện Tân Yên (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn Tiêu chí số 6: Cơ sở vật chất văn hóa (theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang).

2.6. Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Huyện có 11/22 xã có quy hoạch chợ nông thôn, đến nay có 6/22 xã đầu tư xây dựng mới chợ: chợ Ngọc Lý xã Ngọc Lý, chợ Ngọc Vân xã Ngọc Vân, chợ Lữ Vân xã Phúc Sơn, Chợ Bì xã Ngọc Thiện, Chợ Rào xã Quế Nham và chợ Vòng xã Song Vân), 5 xã thực hiện cải tạo, nâng cấp chợ nông thôn. Các chợ nông thôn trên địa bàn được đầu tư xây dựng đảm bảo quy định đáp ứng được nhu cầu mua bán của nhân dân, góp phần lưu thông hàng hoá, giữ gìn nét đẹp của phiên chợ vùng nông thôn. Ngoài ra, trên địa bàn 22 xã đều hình thành cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: cửa hàng tự chọn, cửa hàng kinh doanh tổng hợp nằm trên các trục đường chính của huyện, của xã. Các xã không có quy hoạch chợ đều có điểm mua bán tập trung đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định đáp ứng được nhu cầu mua bán trao đổi hàng hóa của nhân dân trên địa bàn.

Đánh giá: Đến nay, 22/22 xã trên địa bàn huyện Tân Yên (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang).

2.7. Thông tin và truyền thông

- 22/22 xã đều có điểm phục vụ bưu chính, đảm bảo phục vụ cho hoạt động bưu chính, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính của các tổ chức, cá nhân tại địa phương như: gửi nhận bưu phẩm, bưu kiện, chuyển phát nhanh, phát hành báo...

- 22/22 xã có điểm cung cấp dịch vụ viễn thông, internet (Viettel, Mobifone, Vinaphone,...), tới tất cả các điểm đều đáp ứng nhu cầu sử dụng của các tổ chức, cá nhân tại địa phương.

- 22/22 xã có đài truyền thanh xã và 100% số thôn trong xã có hệ thống loa, cụm loa truyền thanh hoạt động thường xuyên và hiệu quả.

- 22/22 xã có ứng dụng thông tin trong quản lý điều hành, 100% số xã trên địa bàn được trang bị máy tính phục vụ công tác; 100% cán bộ công chức xã đã sử dụng máy vi tính thành thạo trong giải quyết công việc.

Đánh giá: Đến nay, 22/22 xã trên địa bàn huyện Tân Yên (tỷ lệ 100%) đạt

chuẩn Tiêu chí số 8: Thông tin và Truyền thông (theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND, ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang).

2.8. Nhà ở dân cư

- Từ khi có chương trình xây dựng nông thôn mới huyện đã phát động sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân quan tâm chỉnh trang nhà ở, cải tạo nâng cấp công trình nhà ở, công trình phụ trợ đảm bảo theo quy định. Đồng thời, vận động và thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép các chương trình về xây dựng nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, xây dựng nhà ở chính sách, kêu gọi sự ủng hộ từ các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm để giúp đỡ các hộ nghèo, người có công với cách mạng trong việc xóa nhà tạm, nhà dột nát. Kết quả, đến nay trên địa bàn huyện không còn nhà tạm, nhà dột nát: từ năm 2011- đến nay, đã xây dựng được 1.373 nhà ở từ các chương trình cho các đối tượng với tổng số tiền 25.790 tỷ đồng (gồm 759 nhà từ chương trình nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, 614 nhà từ chương trình nhà ở chính sách).

- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định là 43.565/45.810 hộ, đạt 95,1%, cao hơn so với yêu cầu của Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 là 20,1%.

Đánh giá: Đến nay, 22/22 xã trên địa bàn huyện Tân Yên (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư (theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

3. Kinh tế và tổ chức sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân

Xác định phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; dồn điền đổi thửa gắn với chỉnh trang đồng ruộng, xây dựng cánh đồng mẫu, vùng sản xuất tập trung; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất nhằm tăng năng suất và giá trị, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp là yếu tố cốt lõi góp phần nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững cho người dân. Do đó, những năm qua huyện Tân Yên luôn quan tâm tạo điều kiện phát triển kinh tế, ưu tiên đầu tư cải tạo hạ tầng giao thông, thủy lợi, thực hiện Chương trình, Dự án thúc đẩy sản xuất; khai thác mọi tiềm năng, lợi thế để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế ngành theo hướng giảm tỷ trọng ngành Nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành Công nghiệp - Xây dựng, Thương mại - Dịch vụ, cụ thể:

3.1. Sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản

Huyện đã tập trung triển khai thực hiện các Đề án, Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa; đẩy mạnh công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật, tích cực chuyển đổi cơ cấu sản xuất trong nội bộ ngành theo hướng giảm tỷ trọng trong trồng trọt, tăng tỷ trọng chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập cho nông dân, giảm hộ nghèo vùng nông thôn. Từ năm 2012

đến nay, UBND huyện đã phê duyệt và thực hiện quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đến năm 2020; quy hoạch phát triển sản xuất cây ăn quả đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035; quy hoạch làng thủy sản. Tập trung cao trong công tác dồn điền, đổi thửa: Giai đoạn 2014-2018, toàn huyện đã dồn đổi 2.462,9 ha, tạo điều kiện thuận lợi đưa cơ giới hóa, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; hình thành và duy trì 24 cánh đồng mẫu quy mô 21-70 ha/cánh đồng sản xuất lúa, rau màu tại 15 xã, hiệu quả sản xuất tại cánh đồng mẫu tăng 15-25% so với sản xuất đại trà.

Tích cực chuyển đổi diện tích sản xuất lúa không ăn chắc sang trồng cây ăn quả, đẩy mạnh cải tạo vườn tạp, vàn đổi phát triển cây ăn quả, hình thành mở rộng vùng sản xuất cây ăn quả tập trung, áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, truy suất nguồn gốc, đóng gói bao bì sản phẩm quả, nâng cao chất lượng, giá trị: Đến nay, trên địa bàn huyện có 3.417 ha cây ăn quả (vải sớm, nhãn muộn, bưởi, vú sữa, ổi lê,...), trong đó có 1500 ha sản xuất theo quy trình VietGAP, 333,3 ha (vải sớm, vú sữa, bưởi, ổi) đạt tiêu chuẩn VietGAP, sản phẩm vải sớm, vú sữa, ổi đã có truy suất nguồn gốc và bao bì đóng gói.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất: xây dựng và nhân rộng được 56 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hình thành vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao sản xuất rau, dưa lưới, hoa trong nhà lưới tại xã Phúc Sơn; vùng sản xuất cây ăn quả công nghệ cao tại xã Phúc Hòa.

Huyện Tân Yên đã vươn lên đứng ở tốp đầu của tỉnh về phát triển chăn nuôi đặc biệt là chăn nuôi lợn, gia cầm, thủy sản và kinh tế trang trại. Trên địa bàn có 381 trang trại chủ yếu là các trang trại tổng hợp, cho doanh thu trên 1,5 tỷ đồng/trang trại/năm. Chất lượng đàn vật nuôi được cải tạo và nâng cao rõ rệt: chủ yếu sử dụng giống lợn nái ngoại, lợn lai, lợn siêu thịt (chiếm 90%), gà lai mía, gà ri lai, gà lai chọi (100%), bò lai Sind, BBB, Brahman ngoại (90%)... cho năng suất, chất lượng cao.

Diện tích nuôi thủy sản mở rộng về diện tích, tăng mạnh về năng suất, sản lượng và chất lượng. Đến hết năm 2019, diện tích nuôi thủy sản 1.370 ha, trong đó diện tích nuôi chuyên canh là 1.265 ha, sản lượng đạt 8.350 tấn. Phương thức nuôi thủy sản thay đổi hoàn toàn, từ phương thức nuôi quảng canh, nuôi thả tự nhiên, sản xuất tự cung tự cấp sang đầu tư nuôi hàng hoá tập trung thâm canh, bán thâm canh tăng năng suất, chất lượng tạo ra sản lượng thủy sản hàng hoá lớn cung cấp ra thị trường. Nhận thức và trình độ kỹ thuật nuôi thủy sản của người dân đã được nâng lên rõ rệt. Cơ cấu giống nuôi được chuyển mạnh sang các giống có năng suất, giá trị kinh tế, có thị trường tiêu thụ tốt như: cá rô phi đơn tính, chép lai 3 máu, chim trắng, cá Diêu hồng... Hầu hết các vùng nuôi thủy sản đều áp dụng quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP và lắp đặt máy quạt nước, máy tạo ôxy, áp dụng quy trình nuôi thâm canh tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Có 06 vùng nuôi thủy sản tập trung quy mô 75 ha tại xã Cao Thượng

(15ha), xã An Dương (10ha), xã Ngọc Châu (10ha), Việt Lập (20ha), Quế Nham (10ha) đã được chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP.

Đã xây dựng và phát triển 7 nhãn hiệu hàng hoá đối với sản phẩm chủ lực, đặc trưng của huyện (lạc giống Tân Yên, vải sớm Phúc Hòa, lợn sạch Tân Yên, Mỳ gạo Châu Sơn, Vú sữa Tân Yên, Ôi lê, Hành tía) được các thị trường trong và ngoài nước biết đến.; phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm Sâm Nam núi Dành để quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm, từng bước ứng dụng công nghệ thông tin để truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

3.2. Sản xuất công nghiệp - xây dựng, thương mại dịch vụ

- Từ năm 2011 đến nay, toàn huyện thu hút được 51 dự án đầu tư mới vào lĩnh vực công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp (*chiếm 39,2% tổng số dự án trên địa bàn toàn huyện*) với số vốn đăng ký trên 1.771 tỷ đồng; trong đó: có 42 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký đạt 1.019 tỷ đồng và 09 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng vốn đăng ký đạt 752 tỷ đồng; chia theo vị trí đầu tư: Có 15 dự án đầu tư vào cụm công nghiệp, còn lại 36 dự án đầu tư tại các cụm, điểm CN-DV trên địa bàn các xã, thị trấn. Các dự án hoạt động trên một số lĩnh vực chủ yếu: May công nghiệp, sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất vật liệu xây dựng và cơ khí... tạo việc làm cho khoảng 8.500 lao động trên địa bàn.

- Đề phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội huyện, hàng năm huyện tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch: đến nay điều chỉnh, bổ sung 02 khu công nghiệp, 05 cụm công nghiệp với tổng diện tích 617ha, thu hút nhà đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Đồng Đình; phê duyệt quy hoạch 22 điểm công nghiệp - dịch vụ với diện tích 195ha; đã có nhiều doanh nghiệp vào địa bàn đầu tư và đi vào hoạt động, đóng góp trên 60% giá trị sản xuất công nghiệp của huyện. Các doanh nghiệp trong các CCN hoạt động đã góp phần đưa giá trị sản xuất CN - TTCN năm 2019 đạt 1.550 tỷ đồng (giá hiện hành); quý 1/2020 giá trị SX CN-TTCN trên địa bàn phát triển chậm ước đạt 330 tỷ đồng, đạt 17,8% so với kế hoạch, GTSX CN-TTCN năm 2020 ước đạt 1.850 tỷ đồng.

- Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn ổn định và có bước phát triển; hệ thống chợ nông thôn tiếp tục được quan tâm chỉ đạo; cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng nhu cầu kinh doanh, buôn bán của người dân. Thực hiện tốt quản lý thị trường, tăng cường chức năng quản lý Nhà nước về chống buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Giá trị sản xuất thương mại, dịch vụ năm 2019 đạt 4.120 tỷ đồng (theo giá hiện hành), quý 1/2020 ước đạt 1.030 tỷ đồng, đạt 23,1% kế hoạch, ước thực hiện năm 2020 đạt 4.600 tỷ đồng.

3.3. Tổ chức sản xuất

Đến nay toàn huyện có 60 Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, với 540 xã viên, 100% các Hợp tác xã đã chuyển đổi, hoạt động theo Luật HTX năm 2012. Có 8 HTX điềm về sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm có sự liên

kết giữa doanh nghiệp với người sản xuất; có trên 150 Ban Điều hành sản xuất, tổ hợp tác làm đầu mối liên kết sản xuất với các doanh nghiệp và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

Trên địa bàn huyện hiện có 381 trang trại, doanh thu mỗi năm 1,3-5 tỷ đồng/trang trại, các trang trại đã áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tạo thêm công ăn việc làm cho nhiều lao động tại địa phương, cung cấp lương thực, thực phẩm cho huyện và các địa phương lân cận, xuất khẩu sang một số nước láng giềng.

Mô hình hoạt động của các HTX, tổ, nhóm liên kết sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp đã góp phần giúp nông dân sản xuất theo hướng hàng hóa tập trung, hỗ trợ lẫn nhau về nguồn lực và chia sẻ rủi ro trong quá trình sản xuất, tăng chất lượng và giá trị sản phẩm.

Đánh giá: Đến nay, 22/22 xã trên địa bàn huyện Tân Yên (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất (theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang).

3.4. Thu nhập và tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ lao động có việc làm

* *Về thu nhập:* Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn của huyện năm 2020 ước đạt 41,35 triệu đồng/người/năm; bình quân thu nhập tại các xã đều đạt trên 39 triệu đồng/người/năm; xã có thu nhập bình quân đầu người đạt cao nhất là 45,3 triệu đồng/người/năm (xã Phúc Hòa).

Đánh giá: Đến nay, 22/22 xã trên địa bàn huyện Tân Yên (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn tiêu chí số 10: Thu nhập (theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND, ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang).

* *Về tỷ lệ hộ nghèo:* Tỷ lệ hộ nghèo (tính theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2015) 2,96%; giảm 2.125 hộ tương đương 4,58% so với năm 2015. Ước đến hết năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện còn 1,86%, giảm 1,12%.

Đánh giá: 22/22 xã trên địa bàn huyện Tân Yên (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn tiêu chí số 11: Hộ nghèo (theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

* Tổng số lao động có việc làm thường xuyên trên địa bàn huyện năm 2019 là 108.890/110.463 lao động (đạt 98,5%). Ước đến hết năm 2020, tỷ lệ lao động có việc làm trên địa bàn huyện đạt 98,8%

Đánh giá: 22/22 xã trên địa bàn huyện Tân Yên (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn tiêu chí số 12: Lao động có việc làm (theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

4. Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, bảo vệ môi trường

4.1. Giáo dục và đào tạo

- Chất lượng giáo dục mầm non từng năm đều được nâng lên, tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và suy dinh dưỡng thể thấp còi trong nhà trẻ và mẫu giáo hàng năm đều giảm dần. Có 98,6% trẻ trong độ tuổi mẫu giáo được huy động ra lớp, trong đó trẻ mầm non 5 tuổi đạt 100%; 100% trẻ ra lớp được ăn bán trú và được khám sức khỏe định kỳ. Hàng năm, tuyển sinh 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1, không có học sinh bỏ học. Chất lượng giáo dục luôn nằm trong tốp đầu của tỉnh; chất lượng học sinh giỏi liên tục xếp trong tốp 4 đơn vị dẫn đầu của tỉnh. 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học được tuyển vào lớp 6. Tỉ lệ học sinh lớp 9 tốt nghiệp trung học cơ sở và điểm bình quân thi vào lớp 10 trung học phổ thông năm sau cao hơn năm trước; luôn nằm trong tốp 4 đơn vị dẫn đầu của tỉnh Bắc Giang. Tỉ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông hàng năm đạt trên 96%.

- Hiện nay các trường học trên địa bàn huyện có khuôn viên đủ diện tích theo quy định trường chuẩn quốc gia; có đầy đủ phòng học, phòng học bộ môn, phòng phục vụ học tập, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, ...; có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh, có bảng, bàn ghế của giáo viên và đều đạt chuẩn; các khu công trình công cộng; hệ thống lưới điện đảm bảo phục vụ hoạt động của nhà trường; các nhà trường đều có hệ thống công nghệ thông tin, có kết nối Internet, có Website riêng và hoạt động thường xuyên; 100% các trường đang sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, có hệ thống tiêu thoát nước, sân chơi, bãi tập, khu nhà vệ sinh riêng cho học sinh, giáo viên (*có tách riêng cho nam, nữ*) đảm bảo theo quy định; khu sân chơi, bãi tập có cây xanh, bóng mát đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn.

+ 22/22 xã duy trì và đạt chuẩn phổ cập cho trẻ mầm non 5 tuổi; đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 (trong đó có 19 xã, thị trấn đạt phổ cập mức độ 3), xóa mù chữ mức độ 2.

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở năm học 2018-2019 là 2080/2083 học sinh, đạt 99.86%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông, và các trường nghề hàng năm đạt trên 85%. Lao động có việc làm qua đào tạo nghề là 77.267/110.068 người, đạt 70,2 %.

Đánh giá: Đến nay, 22/22 xã trên địa bàn huyện Tân Yên (*tỷ lệ 100%*) đạt chuẩn tiêu chí số 14: Giáo dục (*theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ*).

4.2. Y tế

- Năm 2019, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn huyện đạt tỷ lệ 98,9%, đến tháng 3 năm 2020 đạt tỷ lệ 99,3% (tăng 61,9% so với khi bắt đầu thực hiện), trong đó 22/22 xã xây dựng nông thôn mới đều đạt trên 98%.

- Xây dựng xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế: Chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, cơ sở vật chất y tế được quan tâm, từng bước hiện đại hóa

trang thiết bị, góp phần cải thiện đáng kể các chỉ số sức khỏe cộng đồng. Hết năm 2019 toàn huyện có 22/22 xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2020.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (*chiều cao theo tuổi*) toàn huyện tính đến tháng 12/2019 là 3.441/16.625 trẻ em (*chiếm 20,69%*), 22/22 xã đều có tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, thể thấp còi dưới 26%, tỷ lệ chung toàn huyện là 12,5%.

Đánh giá: Đến nay, 22/22 xã trên địa bàn huyện Tân Yên (*tỷ lệ 100%*) đạt chuẩn tiêu chí số 15: Y tế (*theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ*).

4.3. Văn hóa

Phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá gắn với xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa*" được đẩy mạnh đã mang lại hiệu quả thiết thực. Năm 2011, toàn huyện có 34.921/43.743 hộ đạt gia đình văn hóa, đạt 80%; đến năm 2019 là 43.280/48.360 hộ đạt gia đình văn hóa, đạt 89,4%; tăng 9,4% so với năm 2011. 100% các thôn, khu dân cư đã xây dựng và thực hiện tốt hương ước, quy ước: Năm 2019 có 270/322 thôn được công nhận đạt và giữ vững danh hiệu văn hóa (đạt 83.8%), tăng 31,5% so với năm 2011. Tỷ lệ người dân tập thể thao thường xuyên đạt trên 35%. Huyện luôn quan tâm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, trong đó chú trọng trùng tu, tôn tạo các di tích: Đến nay đã có 95 di tích và cụm di tích được xếp hạng, 60 di tích được tôn tạo từ nguồn vốn xã hội hóa.

Đánh giá: Đến nay, 22/22 xã trên địa bàn huyện Tân Yên (*tỷ lệ 100%*) đạt chuẩn tiêu chí số 16: Văn hóa (*theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ*).

4.4. Môi trường và an toàn thực phẩm

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch trên địa bàn toàn huyện tính đến tháng 9/2019: 45.231/45.810 hộ (*tỷ lệ 98,73%*). Trên địa bàn huyện có 02 đơn vị cung cấp nước sạch, tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch (*bao gồm những hộ sử dụng máy lọc nước đạt tiêu chuẩn và sử dụng nước máy*) là 31.710/45.810 hộ (*tỷ lệ 69,22%*).

- Trên địa bàn huyện có tổng số 585 cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề và 01 cụm công nghiệp, trong đó: 429/429 cơ sở thuộc đối tượng đã có thủ tục môi trường, đạt 100% (198 cơ sở sản xuất kinh doanh, 231 cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, 03 làng nghề). Cơ sở chế biến thực phẩm được cấp chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm là 85 cơ sở, trong quá trình hoạt động các cơ sở này đã thực hiện thu gom, phân loại rác thải, xây dựng công trình xử lý chất thải đảm bảo trước khi thải ra môi trường.

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp: Hệ thống cây xanh

trên địa bàn phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo cảnh quan, môi trường. Hệ thống ao, hồ thường xuyên được nạo vét, tu bổ, có rào chắn, lấp đặt biển cảnh nguy hiểm. Đường làng ngõ xóm được vệ sinh sạch sẽ, 100% số xã đạt tiêu chí đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh, sạch, đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường.

- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: Toàn huyện có 166 nghĩa trang nhân dân, với tổng diện tích sử dụng đất là 91 ha đang được UBND các xã, thị trấn quản lý và sử dụng theo quy định. Việc mai táng được thực hiện theo đúng quy chế quản lý nghĩa trang đã được phê duyệt cũng như tập quán, phong tục của địa phương, đảm bảo vệ sinh môi trường, nếp sống văn minh trong việc tang.

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định:

* Về chất thải rắn:

+ Đối với phế phụ phẩm nông nghiệp: Phụ phẩm nông nghiệp phát sinh khoảng 524 tấn/năm, đã được các hộ gia đình thu gom tận dụng làm chất đốt (210,1 tấn, chiếm 41,2%), thức ăn gia súc (199,8 tấn, chiếm 39,2%), phân hữu cơ (69,9 tấn, chiếm 13,7%), phần còn lại (30,2 tấn, chiếm 5,9%) được vận chuyển về các điểm tập kết, rồi thu gom về bãi rác tập trung của xã để xử lý cùng rác thải sinh hoạt.

+ Đối với chất thải rắn y tế: Trên địa bàn huyện có tổng số 27 cơ sở y tế đang hoạt động (gồm 01 Trung tâm Y tế huyện, 01 Bệnh viện chuyên khoa, 25 cơ sở khám chữa bệnh tư nhân), đã có biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động. Tổng chất thải rắn y tế phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 3.796 kg/năm, được các cơ sở thu gom, phân loại và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của liên Bộ: Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quản lý chất thải y tế. Trung tâm y tế huyện Tân Yên ký hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải y tế với công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh, địa chỉ: Thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Đối với các cơ sở y tế tư nhân do phòng y tế huyện quản lý, mỗi cơ sở đều có hợp đồng chuyển giao chất thải y tế cho 1 đơn vị có chức năng xử lý. Các doanh nghiệp này thường xuyên được sở Y tế, phòng Y tế huyện kiểm tra định kỳ.

+ Đối với bao bì thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng: Tổng lượng phát sinh khoảng 0,75 tấn/năm. Hiện nay toàn huyện đã bố trí 245 bể chứa vỏ bao bì thuốc BVTV trên các cánh đồng. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ vỏ bao bì thuốc BVTV phát sinh trên địa bàn huyện Tân Yên.

+ Đối với chất thải nguy hại phát sinh: Tổng lượng phát sinh khoảng 14,2

tấn/năm. Đã được các cơ sở phân loại đưa vào khu vực lưu giữ, dán mã và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại. Một số đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại thường xuyên ký hợp đồng với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện Tân Yên như: Công ty TNHH môi trường công nghiệp xanh (Hà Nội); Công ty CP công nghệ môi trường An Sinh (Hải Dương); Công ty CP xử lý, tái chế chất thải Hòa Bình (Hà Nội)..

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Trên địa bàn huyện đã thành lập 02 hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường chuyên trách, 317 tổ thu gom xử lý rác thải tại các thôn, khu phố thực hiện nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải. 22/22 xã, thị trấn đã bố trí 22 bãi xử lý rác tập trung, trong đó 4 bãi có lò đốt chất thải rắn sinh hoạt công suất từ 300-500kg/giờ, còn lại các bãi xử lý bằng phương pháp chôn lấp, ngoài ra đã bố trí xây dựng 215 điểm tập kết, trung chuyển rác thải tại các thôn xử lý sơ bộ sau đó vận chuyển về xử lý tại bãi rác tập trung. Tổng khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 55 tấn/ngày. Tổng lượng rác thu gom, vận chuyển, xử lý là 48 tấn/ngày, lượng rác còn lại 07 tấn/ngày được các hộ gia đình tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, chế biến thành phân hữu cơ hoặc bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

* Về xử lý nước thải: Các điểm dân cư tập trung đều có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải và không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng gây ngập úng. Các cơ sở sản xuất kinh doanh trong và ngoài cụm công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn đã xây dựng công trình xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: Toàn huyện có 45.684/48.360 hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước hợp vệ sinh (đạt 94,47%), trong đó: 47.114 hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh (đạt 97,42%); 45.719 hộ có nhà tắm hợp vệ sinh (đạt 94,5%); 45.684 hộ có bể chứa nước hợp vệ sinh (đạt 94,47%)

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: Trên địa bàn huyện có 387 hộ chăn nuôi, trong đó: 227 hộ chăn nuôi thuộc đối tượng đã có thủ tục môi trường (đạt 100%), 160 hộ chăn nuôi không thuộc đối tượng lập thủ tục môi trường đều có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, có biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình chăn nuôi (đạt 100%). Cơ bản chuồng trại đều nằm cách biệt với nhà ở và đường đi chung ít nhất 5m và có hồ chứa phân đảm bảo vệ sinh môi trường (không phát sinh mùi khó chịu gây ảnh hưởng đến dân cư xung quanh). Chuồng trại được vệ sinh định kỳ đảm bảo phòng ngừa, ứng phó với dịch bệnh.

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Công tác quản lý nhà nước về an toàn

thực phẩm (ATTP) đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện. UBND huyện thường xuyên quán triệt và xây dựng các Kế hoạch để thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ... về ATTP; công tác tuyên truyền giáo dục, phổ biến pháp luật về ATTP được thực hiện thường xuyên; Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP huyện, xã hoạt động có hiệu quả. Công tác kiểm tra, giám sát về ATTP được duy trì thường xuyên, toàn huyện có 85/85 cơ sở kinh doanh thực phẩm đủ điều kiện và được cấp chứng nhận an toàn thực phẩm, 1.879 cơ sở kinh doanh thực phẩm ký cam kết giữ gìn an toàn thực phẩm và thực hiện tốt các giải pháp về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động.

Đánh giá: Đến nay, 22/22 xã trên địa bàn huyện Tân Yên (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn tiêu chí số 17: Môi trường và an toàn thực phẩm (theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang).

5. Về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; Quốc phòng - An ninh

Hệ thống chính trị ở cấp xã và các khu dân cư thường xuyên được huyện chỉ đạo củng cố, kiện toàn, đảm bảo đủ số lượng. Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể chính trị xã hội trong xây dựng nông thôn mới luôn phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Các nội dung về Quốc phòng, an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện luôn được UBND huyện chỉ đạo tới các đơn vị có thẩm quyền triển khai thực hiện, đạt kết quả tích cực.

5.1. Xây dựng hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

- Tổng số cán bộ công chức của 22 xã là 505 người đạt chuẩn theo quy định.

- 22/22 xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định từ xã đến thôn gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- 22/22 Đảng bộ xã được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; 100% chính quyền xã đạt danh hiệu “Chính quyền cơ sở vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

- 22/22 xã có tổ chức chính trị - xã hội đạt loại khá trở lên.

- 22/22 xã được UBND huyện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư số 07/2017/TT-BTP, ngày 28/7/2017 của Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình được quan tâm, đảm bảo: 22/22 xã có tỷ lệ nữ ủy viên cấp uỷ (64/342) đạt 18,7%; có 2 xã có 1 vị trí lãnh đạo chủ chốt là nữ. 22/22 xã có phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ

khuyết tật được tạo điều kiện vay vốn ưu đãi từ các chương trình; không phát hiện trường hợp nào tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, bạo lực gia đình; đã bố trí 22 mô hình địa chỉ tin cậy ở 22 xã, thị trấn là nơi tạm lánh cho các nạn nhân nữ bị bạo lực gia đình.

Đánh giá: Đến nay, 22/22 xã trên địa bàn huyện Tân Yên (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn tiêu chí số 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

5.2. Xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân vững mạnh

- 22/22 xã, thị trấn có đội ngũ cán bộ Ban chỉ huy Quân sự được tổ chức biên chế theo quy định (Chỉ huy trưởng là thành viên UBND xã, Chỉ huy phó, Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm). Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó được đào tạo trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở đạt 60,2%; hằng năm được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn. 22/22 xã, thị trấn đã bố trí phòng làm việc cho Ban chỉ huy quân sự, phòng làm việc có đầy đủ trang thiết bị theo quy định. Tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ nòng cốt thời bình đạt 21,3%. Tỷ lệ thôn đội trưởng là đảng viên chiếm 80,2%.

- Hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng: Hằng năm 100% số xã hoàn thành chỉ tiêu quốc phòng. 100% quân nhân hoàn thành nhiệm vụ ở đơn vị thường trực về địa phương được đăng ký quân dự bị và được quản lý chặt chẽ. 100% quân nhân dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật được đăng ký quản lý chặt chẽ theo chỉ tiêu cấp trên giao, sẵn sàng động viên khi có lệnh. Huy động và triển khai thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xã, thị trấn. Chủ trì, phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác quốc phòng, quân sự theo sự lãnh chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền cùng cấp và chỉ thị, mệnh lệnh, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội của 22/22 xã trong những năm qua luôn được giữ vững và ổn định: Không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống phá Đảng, Chính quyền, phá hoại kinh tế; không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; không xảy ra các vụ án đặc biệt nghiêm trọng gây bức xúc trong dư luận. Trong những năm qua, cấp uỷ, chính quyền các cấp trên địa bàn huyện đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh công tác phòng chống tội phạm, TNXH và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ. Ủy ban nhân dân huyện đã xây dựng và triển khai thực hiện Đề án số 50/ĐA-UBND, ngày 6/5/2016 về “Nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới, giai đoạn 2016-2020”. Thời gian qua, phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ trên địa bàn huyện đã được triển khai gắn với các phong trào khác, nhất là phong trào xây dựng nông thôn mới và đã đạt được nhiều kết quả rất tích cực, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Tân Yên lần thứ XXI. Ban chỉ đạo phòng chống tội phạm, TNXH và XDPTTDBVANTQ huyện đã bám sát các

nội dung chỉ đạo, làm tốt công tác đảm bảo ANCT và TTATXH trên địa bàn do đó tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội luôn được giữ vững và ổn định. Năm 2018 đã đề nghị chuyển hóa thành công địa bàn xã Ngọc Vân, Bộ Công an đã có quyết định đưa xã Ngọc Vân ra khỏi diện địa bàn trọng điểm, phức tạp về ANTT; năm 2019 tiếp tục đề nghị đưa thị trấn Cao Thượng ra khỏi địa bàn trọng điểm, phức tạp về ANTT. Năm 2019 có 17/22 xã, thị trấn, 311/348 thôn, khu phố, 113 cơ quan, doanh nghiệp, trường học đạt tiêu chuẩn "An toàn về ANTT" theo quy định. Hiện trên địa bàn huyện có 804 mô hình, tổ chức quần chúng làm nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự, trong đó có 774 mô hình tự quản, 30 mô hình liên kết; các mô hình quần chúng tự quản về ANTT luôn được củng cố, duy trì và nhân rộng, các cơ quan công sở Đảng, chính quyền, các bệnh viện trường học, các doanh nghiệp đã lắp đặt 564 camera giám sát an ninh; Công an huyện đã tham mưu thực hiện lắp đặt 45 mắt Camera giám sát an ninh tại 22 khu vực tiềm ẩn phức tạp về an ninh trật tự để phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Đánh giá: Đến nay, 22/22 xã trên địa bàn huyện Tân Yên (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn tiêu chí số 19: Quốc phòng và An ninh (theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI (Theo Quyết định 558/QĐ - TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang)

1. Tiêu chí số 1: Quy hoạch

1.1. Yêu cầu của tiêu chí: Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt.

1.2. Kết quả thực hiện tiêu chí

Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000 đã lập xong; được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 04/10/2019. Đồ án đã đảm bảo yêu cầu về nội dung nhiệm vụ theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, đảm bảo yêu cầu về nội dung nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và yêu cầu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo.

Đánh giá tiêu chí: Đạt (theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

2. Tiêu chí số 2: Giao thông

- Đường bộ: Đến nay, trên địa bàn huyện Tân Yên hiện có 5 tuyến đường huyện, cứng hóa 42,56 km (tỷ lệ 100%), tất cả các tuyến đường huyện đảm bảo

ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; các trường hợp vi phạm hành lang giao thông đều được xử lý kịp thời; cấp kỹ thuật đường huyện đạt tiêu chuẩn theo TCVN 4054:2005; cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 4085/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch GTVT huyện Tân Yên đến 2025, định hướng đến 2030 và Quyết định phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng NTM các xã; hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch. Hàng năm, UBND huyện đều xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện tốt việc quản lý, bảo trì 100% các tuyến đường huyện.

- Đường thủy: Trên địa bàn có sông Thương chảy qua với chiều dài 15,6km, sông có độ dốc lớn, về mùa lũ độ cao chênh lệch từ 3-5cm/km, lòng sông hẹp, nhiều bãi bồi không thuận lợi cho việc vận tải đường thủy. Số lượng bến khách ngang sông: có 02 bến đều đã được cấp phép tại xã Liên Chung đảm bảo các điều kiện về an toàn. Loại phương tiện dò ngang hiện có chủ yếu là vỏ thép, có đăng kiểm đủ điều kiện an toàn hoạt động, người điều khiển phương tiện đều có chứng chỉ chuyên môn hoặc bằng. Các bến thủy nội địa nằm trong quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa tỉnh Bắc Giang; các bến hàng hoá (bãi vật liệu xây dựng) đều đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động theo quy định.

- Vận tải: Hiện tại, trên các tuyến đường Quốc lộ 17, đường tỉnh 294, đường tỉnh 295, đường tỉnh 297, đường tỉnh 298 đoạn qua địa bàn huyện đều được lắp đặt, bố trí các điểm dừng, đỗ trả khách cho xe buýt và điểm đưa đón công nhân cho xe phục vụ đưa đón công nhân làm việc tại các khu công nghiệp.

(Theo Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 08/6/2016 của UBND huyện Tân Yên về việc công bố điểm đỗ Taxi trên địa bàn huyện Tân Yên).

Đánh giá tiêu chí: Đạt *(Theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang).*

3. Tiêu chí số 3: Thủy lợi

- Hệ thống thủy lợi liên xã trên địa bàn huyện được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt tại Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy lợi tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 định hướng đến năm 2030; được phân cấp quản lý theo đúng quy định tại Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 29/3/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang về danh mục phân cấp công trình thủy lợi cho các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi và địa phương quản lý, khai thác và bảo vệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Hệ thống thủy lợi được kết nối đồng bộ đảm bảo tưới tiêu thuận lợi đáp ứng cho sản xuất và sinh hoạt. Đến nay tổng số kênh mương do xã quản lý được

cứng hoá 689,23 km/1280,29 km đạt tỷ lệ 53,8%, tăng 120 km so với khi bắt đầu thực hiện; 100% các xã có tỷ lệ cứng hoá kênh mương đạt trên 50%.

- Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động bền vững: Trên địa bàn huyện có Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi Tân Yên, trực thuộc Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Nam Sông Thương thực hiện việc quản lý vận hành, khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả đảm bảo phục vụ sản xuất và công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn, bao gồm: Kênh tưới cấp 1 tổng chiều dài 31,13 km, đã cứng hoá 21,93, đạt tỷ lệ 70,4%; 04 trạm bơm tại các xã Quế Nham, Ngọc Thiện, Liên Chung. Năm 2019, tổng diện tích thực tưới, tiêu so với diện tích hợp đồng là: 11.696,86ha/11.696,86ha, đạt 100% so với kế hoạch.

Ngoài ra trên địa bàn huyện có: Ngòi Phú Khê dài 36 km bắt nguồn từ xã Lan Giới chảy qua các xã: Đại Hoá, Quang Tiến, An Dương, Ngọc Châu, Ngọc Lý, Việt Lập, Liên Chung chảy ra sông Thương tại bến đò Mom (K14+500 đê Hữu Thương) lòng ngòi bình quân về mùa kiệt từ 15 ÷ 20 m. Ngòi Đa Mai qua các xã Phúc Sơn, Lam Cốt, Việt Ngọc, Song Vân, Ngọc Thiện, Ngọc Vân thuộc địa phận Tân Yên dài 26 km. Ngòi Cầu Liền qua xã Tân Trung, Phúc Hòa, Hợp Đức dài 8 km chảy ra sông Thương; 89 hồ đập vừa và nhỏ đảm bảo cung cấp nước tưới cho gần 400 ha đất sản xuất nông nghiệp và hệ thống kênh tiêu.

- Hàng năm UBND huyện chỉ đạo rà soát, đánh giá hệ thống đê điều, thủy lợi do huyện quản lý; trong đó đánh giá những vị trí xung yếu cấp thiết, các công trình đã xuống cấp; từ đó xây dựng kế hoạch thực hiện cải tạo, nâng cấp, xây mới các công trình cấp bách, thiết yếu đảm bảo phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai trên địa bàn; đồng thời xây dựng và triển khai thực hiện phương án cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi của các công ty đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

Đánh giá tiêu chí: Đạt (Theo Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

4. Tiêu chí số 4: Điện

- Điện lực Tân Yên đang quản lý, vận hành 257,761km đường dây trung áp, 822,196 đường dây hạ áp và 347 trạm biến áp phân phối với tổng dung lượng 102.480 KVA (trong đó: Trạm biến áp của Điện lực là 265 trạm biến áp, tổng công suất lắp đặt: 65.950 kVA; trạm biến áp của khách hàng là 82 với tổng công suất lắp đặt là 36.530 kVA). Điện lực Tân Yên thường xuyên, liên tục đầu tư cải tạo hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống. Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp đầu tư liên xã đảm bảo đạt thông số kỹ thuật, an toàn điện theo quy định. Đồng thời, đảm bảo đồng bộ và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối liên xã theo các thông số quy định về hệ thống lưới điện phân phối.

- Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp đầu tư liên xã đảm

bảo đạt thông số kỹ thuật, an toàn điện theo quy định tại Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công Thương. Đồng thời, đảm bảo đồng bộ và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối liên xã theo quy định tại Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công Thương; đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Đánh giá tiêu chí: Đạt (Theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

5. Tiêu chí số 5: Y tế, Văn hóa, Giáo dục

5.1. Về y tế

- Hệ thống tổ chức y tế toàn huyện được củng cố và phát triển; Toàn huyện có 09 bác sỹ/10.000 dân; có 400 giường bệnh nội trú, đạt 22,7 giường bệnh/10.000 dân; tỷ lệ cán bộ y tế 30,3 người/10.000 dân.

- Bệnh viện đa khoa huyện đã được UBND tỉnh công nhận Bệnh viện hạng II tại Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang; hàng năm đã tổ chức thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của Bệnh viện đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được Sở Y tế, UBND huyện giao.

- Trung tâm Y huyện đã thực hiện đầy đủ theo chức năng, nhiệm vụ theo Quyết định số 26/2005/QĐ-BYT ngày 09/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế; có đầy đủ tổ chức bộ máy, trụ sở làm việc, các phòng chức năng; cơ bản đảm bảo cơ sở trang thiết bị phục vụ cho công tác chuyên môn. Từ năm 2017 đến năm 2019 được Sở Y tế đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Từ ngày 01/01/2019, Bệnh viện Đa khoa, Trung tâm Y tế và Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện sáp nhập thành Trung tâm Y tế huyện theo Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Đánh giá tiêu chí: Đạt (Theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

5.2. Về văn hóa

- Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao huyện được thành lập tại Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang V/v thành lập Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện. Tổng biên chế có 20 cán bộ, viên chức gồm: 01 Giám đốc, 02 Phó giám đốc và 17 viên chức. Trụ sở làm việc của Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện đặt tại Trung tâm huyện, có đủ các phòng làm việc, phòng chức năng và các phương tiện chuyên dùng đảm bảo phục vụ tốt công tác chuyên môn nghiệp vụ. Có khu thể thao trong nhà, sân vận động trung tâm, Hội trường trung tâm, khu biểu diễn ngoài trời... đảm bảo đáp ứng các hoạt động hội họp, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao, giải trí cho cán bộ, nhân dân trên địa bàn huyện, cụ thể:

+ Khu thể thao trong nhà có diện tích trên 300m² có đầy đủ dụng cụ tập luyện.

+ Sân vận động trung tâm huyện có tổng diện tích 18.522m², sân khấu có mái che với diện tích 200m², có đầy đủ công trình phụ trợ, có hệ thống dụng cụ thể thao tập luyện ngoài trời cho người dân.

+ Hội trường trung tâm huyện có diện tích 700m², sức chứa 450 chỗ ngồi, sân khấu với diện tích 104m², có đầy đủ các công trình phụ trợ; có 1 nhà truyền thống với diện tích 1.000m² và hiện đang lưu trữ trên 400 hiện vật các loại; 01 thư viện huyện đang sử dụng một phần diện tích của Nhà truyền thống huyện để làm trụ sở với 140 m² với 15.873 đầu sách; có 1 xe chuyên dụng để tuyên truyền.

+ Diện tích hoạt động ngoài trời: Quảng trường Lương Văn Năm huyện có diện tích 2,7ha, có sân khấu, khu biểu diễn, triển lãm ngoài trời, khu vui chơi, giải trí, vườn hoa, đài phun nước... đảm bảo cho việc tổ chức các sự kiện, biểu diễn nghệ thuật lớn; là nơi vui chơi, giải trí phục vụ nhân dân trên địa bàn huyện.

+ Đền thờ các anh hùng liệt sỹ: Có diện tích khuôn viên trên 5.000m², riêng ngôi đền có diện tích xây dựng 425m², nhằm để làm nơi tri ân tưởng nhớ các Anh hùng Liệt sỹ – những người con của quê hương đã hy sinh anh dũng trong các cuộc kháng chiến để giành độc lập, tự do của tổ quốc.

- Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao huyện thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao kết nối với cơ sở có hiệu quả như: Mở các lớp bồi dưỡng, huấn luyện nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ văn hóa, câu lạc bộ và hạt nhân phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền cổ động, đọc sách báo, giải trí, chiếu phim, câu lạc bộ, nhóm sở thích, lớp năng khiếu nghệ thuật theo nguyện vọng cho các đối tượng; tổ chức các cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn, thi đấu và hướng dẫn phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao ở cơ sở; hướng dẫn việc bảo tồn, gìn giữ, phát huy loại hình nghệ thuật dân gian cho các câu lạc bộ hát dân ca quan họ, ca trù, chèo... trên địa bàn huyện.

Đánh giá tiêu chí: Đạt (Theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

5.3. Về giáo dục

Trên địa bàn huyện có 3/3 trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 100%.

- Trường THPT Tân Yên số 1 đạt chuẩn Quốc gia theo Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang.

- Trường THPT Tân Yên 2 đạt chuẩn chuẩn quốc gia theo Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 31/01/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang.

- Trường THPT Nhã Nam đạt chuẩn chuẩn quốc gia theo Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 31/01/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Đánh giá tiêu chí: Đạt (theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016

của Thủ tướng Chính phủ).

6. Tiêu chí số 6: Sản xuất

Giai đoạn 2011-2020, huyện tập trung chỉ đạo hình thành và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, dựa trên một số sản phẩm chủ lực, đặc trưng của huyện:

- **Vùng lúa chất lượng:** Lúa chất lượng sản xuất 2 vụ/năm với tổng diện tích 4.600 ha/năm, trong đó, sản xuất tập trung với quy mô 50 ha/vùng (diện tích khoảng 600 ha) tại các xã: Song Vân, Ngọc Lý, Lam Cốt, Ngọc Thiện, Đại Hóa, Quang Tiến, Việt Lập. Các giống chủ yếu được sử dụng như: Thiên ưu 8, Bắc thơm, hương thơm, TBR225, hương thơm Kinh Bắc, Kim Cương 111. Sản phẩm được các doanh nghiệp ký hợp đồng sản xuất bao tiêu sản phẩm như: Chi nhánh Vật tư kỹ thuật NN Tân Yên, Công ty CP Giống cây trồng Trung ương, Công ty CP Giống cây trồng Thái Bình, Công ty TNHH An Đình, ... hiệu quả kinh tế tăng gấp 1,5-1,7 lần so với sản xuất lúa KD18 thông thường.

- **Vùng rau quả thực phẩm, rau quả chế biến:** Diện tích rau quả thực phẩm là 4.482 ha/năm, sản xuất tập trung tại 34 vùng với quy mô từ 20 ha trở lên (diện tích 680 ha). Các sản phẩm chủ yếu như: ngô ngọt ngô nếp, dưa, bí các loại, hành tỏi, ớt, khoai tây, bắp cải ở các xã Ngọc Lý, Ngọc Thiện, Cao Xá, Song Vân, Lam Cốt, Ngọc Vân, Việt Ngọc, Tân Trung, Lan Giới, Liên Chung, Quế Nham, Việt Lập. Xây dựng, duy trì và mở rộng vùng sản xuất rau đảm bảo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm với 1.200 ha tại các xã: Ngọc Thiện, Ngọc Lý, Tân Trung, Cao Xá, Lam Cốt, Phúc Sơn, ... Một số sản phẩm được các doanh nghiệp ký hợp đồng sản xuất và bao tiêu sản phẩm từ đầu vụ: Công ty CP chế biến NSXK GOC, công ty Hội Vũ, công ty CP thuốc lá Bắc Giang, Công ty TNHH Tân Nông. Giá trị thu nhập bình quân TB 200 triệu đồng/ha/năm, hiệu quả kinh tế tăng 20-23% so với sản xuất đại trà.

- **Vùng sản xuất cây ăn quả tập trung:** Thực hiện quy hoạch vùng sản xuất cây ăn quả chủ lực gồm: vải sớm, bưởi, nhãn, ... Hình thành 3 vùng sản xuất vải sớm tập trung với quy mô 300 ha/vùng tại các xã: Phúc Hòa, Liên Sơn, Cao Thượng, Tân Trung, Hợp Đức, Liên Chung. Huyện đã và đang phối hợp với tỉnh xây dựng quy hoạch 500 ha vải sớm ứng dụng công nghệ cao tại xã Phúc Hòa và Liên Sơn. Đẩy mạnh phát triển một số loại cây ăn quả chủ lực kết hợp sử dụng các tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất góp phần tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế (thu nhập TB 300-450 triệu đồng/ha/năm).

- **Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:** Chỉ đạo xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại xã Phúc Sơn, sản xuất rau, dưa trong nhà màng; sản phẩm được doanh nghiệp hợp đồng tiêu thụ, giá bán cao, ổn định, doanh thu đạt 800 triệu đồng/mô hình/năm. Xây dựng, duy trì 4 vùng sản xuất rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP quy mô 20 ha, sản phẩm được HTX ký

hợp đồng tiêu thụ, giá bán cao, ổn định.

Ứng dụng công nghệ tưới tự động, sử dụng phân bón vi sinh trong sản xuất cây ăn quả: xây dựng 42 mô hình (trên 1 ha/mô hình), sử dụng hệ thống tưới tự động trên cây ăn quả góp phần giảm chi phí công lao động và tiết kiệm nước tưới, đáp ứng nhu cầu về nước cho cây theo từng giai đoạn sinh trưởng, phát triển, làm tăng hiệu quả kinh tế lên 20% so với sản xuất thông thường.

- **Sản xuất thủy sản tập trung:** hình thành và phát triển 7 Làng thủy sản tập trung với diện tích trên 30ha/vùng gồm: Liên Chung, Song Vân, Hợp Đức, Ngọc Châu, Quế Nham, Cao Thượng, Việt Lập. Đến nay đã có 75 ha diện tích thủy sản được chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP. Các vùng nuôi thủy sản đều áp dụng quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP và lắp đặt máy quạt nước, máy tạo ôxy, áp dụng quy trình nuôi thâm canh tăng năng suất, chất lượng sản phẩm.

Đánh giá tiêu chí: Đạt (Theo Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang).

7. Tiêu chí số 7: Môi trường

a) Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện

UBND huyện chỉ đạo các xã, thị trấn triển khai thực hiện nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn. Đã triển khai Đề án số 126/ĐA-UBND về thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải khu vực nông thôn trên địa bàn huyện. Tất cả các xã, TT trên địa bàn huyện đều có hệ thống thu gom chất thải rắn sinh hoạt và xử lý theo quy định; tỷ lệ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt đạt 87%. Lượng chất thải còn lại được các hộ gia đình tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, chế biến thành phân hữu cơ hoặc bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- **Chất thải rắn y tế:** Chất thải y tế phát sinh tại 27 cơ sở y tế đang hoạt động trên địa bàn huyện khoảng 3.796 kg/năm, được các cơ sở hợp đồng thu gom, phân loại và xử lý theo quy định.

- **Phế phụ phẩm nông nghiệp:** Tổng lượng phế phụ phẩm nông nghiệp phát sinh khoảng 524 tấn/năm, đã được các hộ gia đình thu gom tận dụng làm chất đốt (210,1 tấn, chiếm 41,2%), thức ăn gia súc (199,8 tấn, chiếm 39,2%), phân hữu cơ (69,9 tấn, chiếm 13,7%), phần còn lại (30,2 tấn, chiếm 5,9%) vận chuyển về các điểm tập kết, rồi thu gom về bãi rác tập trung của xã để xử lý.

- **Bao bì thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng:** Tổng lượng phát sinh khoảng 0,75 tấn/năm. Toàn huyện đã bố trí 245 bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên các khu đồng sản xuất. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường công nghệ cao Hoà Bình, thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ vỏ bao bì thuốc BVTV phát sinh trên địa bàn huyện.

b) Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi,

- Hàng năm, Huyện ủy ban hành Chỉ thị và UBND huyện xây dựng kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; Ban chỉ đạo phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động nề nếp, hiệu quả; tổ chức thực hiện tốt công tác xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Ủy ban MTTQ, các tổ chức thành viên tích cực tham gia thực hiện phong trào trên địa bàn huyện.

- Thực hiện Quy định số 11-QĐ/Đi/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy trong tiếp dân, đối thoại trực tiếp với nhân dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của nhân dân. Huyện ủy, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, giải quyết dứt điểm các đơn thư, khiếu nại tố cáo; trong đó giao nhiệm vụ cụ thể trong việc xử lý đơn thư, khiếu nại tố cáo cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn theo đúng thẩm quyền, chức năng nhiệm vụ được giao.

- An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được đảm bảo; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiềm chế; trên địa bàn không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; Năm 2017 xảy ra 67 vụ phạm pháp hình sự tăng 06 vụ so với năm 2016; năm 2018 xảy ra 48 vụ phạm pháp hình sự giảm 19 vụ so với năm 2017; năm 2019 xảy ra 69 vụ phạm pháp hình sự, tăng 21 vụ so với cùng kỳ năm 2018. Tuy nhiên so sánh năm 2019 với các năm 2017, 2016 các vụ phạm pháp hình sự tăng không đáng kể (năm 2016 xảy ra 61 vụ, năm 2017 xảy ra 67 vụ, năm 2019 xảy ra 69 vụ). Lực lượng công an huyện đã tập trung cao trong công tác điều tra, phá án; kết quả năm 2017, với tỷ lệ điều tra phá án đạt 83,6%, năm 2018 đạt 72,9%, năm 2019 đạt 82,6 %. Các vụ trọng án trên địa bàn cơ bản đều được điều tra, giải quyết triệt để (năm 2017 xảy ra 2 vụ trọng án, đã điều tra giải quyết được 2/2 vụ, năm 2018 xảy ra 3 vụ trọng án, đã điều tra giải quyết xong 3/3 vụ, năm 2019 xảy ra 4 vụ trọng án đã điều tra, giải quyết 3/4 vụ). Năm 2019 số vụ phạm pháp tăng là do các cơ quan chức năng tập trung cao độ đấu tranh xử lý các loại tội phạm để làm trong sạch địa bàn phục vụ đảm bảo tiêu chí ANTT trong xây dựng nông thôn mới, đặc biệt các tụ điểm, điểm phức tạp về ma túy trên địa bàn cơ bản bị triệt phá, tình hình tội phạm ma túy ổn định rất nhiều so với những năm trước.

- Lực lượng vũ trang huyện (*Công an, Bộ đội địa phương; Dân quân tự vệ*) hằng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự địa phương.

+ Lực lượng Công an huyện trong những năm qua đều hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong công tác đảm bảo ANTT trên địa bàn.

+ Hàng năm Ban chỉ huy Quân sự huyện đã tham mưu cho Huyện ủy, UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Tuyên truyền, vận động và triển khai có hiệu quả công tác tuyển quân hoàn thành 100% chỉ tiêu, tuyển sinh quân sự đảm bảo chất lượng. Chủ trì, phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác quốc phòng, quân sự địa

phương theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cùng cấp và chỉ thị, mệnh lệnh, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên. Phối hợp thực hiện tốt công tác giáo dục quốc phòng và an ninh cho cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên, lực lượng vũ trang và nhân dân; hoàn thành 100% chỉ tiêu bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng theo kế hoạch. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng trên địa bàn nắm chắc tình hình an ninh chính trị, tham mưu xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống không để bị động, bất ngờ góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

- Ban chỉ huy Quân sự huyện được Bộ Tư lệnh Quân Khu 1 tặng danh hiệu đơn vị Quyết thắng năm 2017, 2019 (*Quyết định số 2477/QĐ-BTL, ngày 20/12/2017; Quyết định số 2898/QĐ-BTL, ngày 5/12/2019*). Năm 2019 được Bộ tư lệnh Quân Khu 1 tặng 01 bằng khen (*Quyết định số 2239/QĐ-BTL, ngày 01/10/2019*); được UBND tỉnh tặng 03 Bằng khen năm 2018, 2019 (*Quyết định số 831/QĐ-UBND, ngày 28/3/2018; Quyết định số 1947/QĐ-UBND, ngày 31/12/2018; Quyết định số 1116/QĐ-UBND, ngày 11/7/2019*). Năm 2019 được Ban chấp hành Đảng bộ Huyện Tân Yên tặng Giấy khen (*Quyết định số 871-QĐ/HU, ngày 01/8/2019*).

Đánh giá tiêu chí: Đạt (Theo Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

9. Tiêu chí số 9: Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới

a) Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện

- Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện Tân Yên giai đoạn 2011-2015 gồm 23 thành viên do Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban (Theo Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 07/9/2010 của UBND huyện); Giai đoạn 2016-2020, Ban Chỉ đạo được kiện toàn, bổ sung lại gồm 21 thành viên (Theo Quyết định số 4974/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 của UBND huyện Tân Yên).

- Thành lập Tổ công tác giúp việc Ban chỉ đạo, đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên trong Ban chỉ đạo và Tổ công tác giúp việc.

- Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của huyện đã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện Tân Yên 5 năm (2011-2015) và Đề án thực hiện Chương trình MTQG xây dựng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2020; đồng thời xây dựng các kế hoạch chi tiết thực hiện trong từng năm và tham mưu rà soát các hạng mục cần đầu tư liên quan đến các tiêu chí chưa hoàn thành, đề xuất huyện có cơ chế hỗ trợ kinh phí cho các xã thực hiện, đồng thời kịp thời phân bổ, hướng dẫn sử dụng nguồn kinh phí ngân sách huyện làm căn cứ để các xã triển khai thực hiện.

- Trong quá trình chỉ đạo thực hiện, Ban Chỉ đạo đã tham mưu cho UBND huyện ban hành các cơ chế thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội (cơ chế hỗ trợ xi

măng, hỗ trợ phát triển sản xuất, hỗ trợ xây nhà văn hóa...) phù hợp với điều kiện thực tiễn từng địa phương. Chú trọng công tác tuyên truyền vận động có sự chung sức xây dựng nông thôn mới của các tầng lớp nhân dân, các doanh nghiệp; không để xảy ra tình trạng huy động quá sức dân, không để nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới. Đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn các năm, Ban Chỉ đạo tham mưu UBND huyện, chỉ đạo UBND các xã ban hành các kế hoạch nhằm giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được, đồng thời chỉ đạo mỗi xã xây dựng 01 thôn kiểu mẫu để làm cơ sở rút kinh nghiệm và tiếp tục nhân ra diện rộng.

b) Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện

- Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện được thành lập theo Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND huyện Tân Yên, quy định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của Văn phòng điều phối NTM huyện, trong đó có bố trí cán bộ chuyên trách làm nhiệm vụ nông thôn mới; Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 về việc phê duyệt danh sách thành viên Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện Tân Yên gồm 8 thành viên, trong đó Chánh Văn phòng điều phối do Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách nông nghiệp kiêm nhiệm; Phó Chánh Văn phòng điều phối do Trưởng Phòng Nông nghiệp&PTNT kiêm nhiệm; một số thành viên khác là Phó Trưởng phòng các cơ quan: Nông nghiệp và PTNT, Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Nội vụ, văn phòng HĐND&UBND. Văn phòng điều phối nông thôn mới huyện đã ban hành Thông báo số 37/TB-VPĐP ngày 03/3/2017 về việc phân công nhiệm vụ thành viên Văn phòng điều phối Chương trình nông thôn mới huyện Tân Yên.

- Văn phòng điều phối huyện thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ được giao mục 2, Điều 2 Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính Phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp huyện, cụ thể như: Tham mưu giúp Ban Chỉ đạo huyện thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình; kịp thời tổng hợp báo cáo tiến độ tại các xã và tiêu chí huyện nông thôn mới để tham mưu giúp Ban Chỉ đạo huyện đề ra giải pháp tháo gỡ khó khăn; chủ động đề xuất Ban Chỉ đạo huyện Ban hành các cơ chế chính sách hỗ trợ xã phấn đấu đạt chuẩn; thực hiện tốt các nội dung liên quan quan đến công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới và đào tạo cán bộ cấp cơ sở thực hiện Chương trình.

Đánh giá tiêu chí: Đạt (Theo Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

Công tác triển khai, thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM đã được Huyện uỷ, UBND huyện triển khai nghiêm túc, quyết liệt, các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình đặt ra cơ bản sát và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và được triển khai đồng bộ, kịp thời. Ban chỉ đạo và tổ giúp việc các cấp được hình thành sớm; công tác kiểm tra giám sát được duy trì; việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch và đề án NTM được coi trọng. Cán bộ làm công tác xây dựng NTM được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình hiệu quả, hệ thống văn bản chỉ đạo ban hành và triển khai kịp thời, có tác dụng thiết thực và trở thành động lực thúc đẩy tiến độ thực hiện.

Sau 10 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, bộ mặt nông thôn huyện thay đổi rõ nét, kinh tế phát triển khá; các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục phát triển toàn diện; quy chế dân chủ ở cơ sở có nhiều chuyển biến; an ninh trật tự xã hội được tăng cường; hệ thống chính trị được củng cố kiện toàn; trình độ sản xuất và đời sống vật chất, tinh thần của nông dân được nâng cao rõ rệt, tình làng nghĩa xóm được khơi dậy, các hoạt động văn hóa truyền thống được khôi phục, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá. Sản xuất phát triển, giá trị sản xuất bình quân/ha đạt 152 triệu đồng/ha/năm, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, an ninh trật tự được giữ vững, nhiều công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi, văn hoá thể thao được xây dựng làm mới, đặc biệt nhiều công trình hình thành từ kết quả của phong trào hiến đất, và nguồn lực đóng góp của nhân dân. Xây dựng NTM đã thực sự đã trở thành phong trào sâu rộng và tạo khí thế thi đua giữa các thôn trong xã và giữa các xã, góp phần quan trọng thúc đẩy chương trình xây dựng nông thôn mới.

Các cấp ủy đảng, chính quyền đã xác định rõ cách làm, bước đi triển khai xây dựng nông thôn mới phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, phát huy tối đa vai trò của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là vai trò của chi bộ, thôn, xóm và hộ gia đình trong xây dựng nông thôn mới; đã huy động được nguồn lực của nhân dân trong xây dựng nông thôn mới; xuất hiện nhiều mô hình hay, cách làm hiệu quả tại mỗi địa bàn.

Có 22/22 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 100 %, số tiêu chí hoàn thành đạt cao (418/137) so với xuất phát điểm thực hiện; nhiều tiêu chí đạt chất lượng tốt: tiêu chí giao thông, trường học, nhà ở dân cư, hộ nghèo, lao động có việc làm, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế; hoàn thành 9/9 tiêu chí trong Bộ tiêu huyện nông thôn mới; không có nợ đọng xây dựng nông thôn mới.

Phong trào thi đua “*Tân Yên chung sức xây dựng nông thôn mới*” được triển khai, có sức lan tỏa mạnh. Đã huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các doanh nghiệp và người dân trong triển khai thực hiện. Tư duy, nhận thức của cán bộ và nhân dân trong xây dựng nông thôn mới chuyển biến rõ nét, nhiều cán bộ thực sự tâm huyết, trách nhiệm cao với phong trào. Đã huy động được các nguồn lực, phát huy quyền làm chủ và nội lực trong nhân dân

“Lấy sức dân làm lợi cho dân” để xây dựng nông thôn mới. Phong trào xây dựng nông thôn mới được nhân dân đồng tình ủng hộ, các xã đã huy động nhân dân đóng góp hàng trăm tỷ đồng và hàng trăm nghìn ngày công tham gia xây dựng các công trình nông thôn mới, vận động nhân dân hiến đất và tài sản, hoa màu trên đất, xây dựng công trình công cộng,...

Công tác kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm được các cấp ủy đảng, chính quyền thực hiện thường xuyên, từ đó đưa ra các giải pháp thực hiện phù hợp với điều kiện, thế mạnh của từng xã. Bộ máy quản lý, thực hiện Chương trình các cấp đã được kiện toàn, bổ sung kịp thời, hoạt động hiệu quả.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Giai đoạn 2011-2015, nhiều xã chưa quan tâm đến chương trình xây dựng NTM, còn trông chờ, ỷ lại vào nhà nước, người dân chưa tích cực tham gia đóng góp cho xây dựng nông thôn mới, chất lượng tiêu chí về hạ tầng nông thôn, cơ sở vật chất văn hóa, môi trường đạt ở mức độ thấp. Chất lượng một số tiêu chí nông thôn mới các xã đã đạt chuẩn chậm được nâng cao.

- Công tác lập quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới của một số xã chưa tốt; rà soát, điều chỉnh đề án chậm. Ban hành quy chế quản lý quy hoạch và thực hiện cấm mốc chỉ giới theo quy hoạch được phê duyệt thực hiện còn chậm; việc xây dựng đề án nông thôn mới của các xã chủ yếu đề cập đến tính toán đầu tư, chưa đưa ra được giải pháp khắc phục khó khăn, thực hiện hiệu quả mục tiêu đề ra.

- Lĩnh vực văn hóa thể thao còn có mặt hạn chế: Một số nơi chưa khai thác triệt để công trình văn hóa thể thao để phục vụ đời sống tinh thần của người dân; một số trung tâm văn hóa, nhà văn hóa thôn còn thiếu trang thiết bị chuyên dùng, chưa có sự gắn kết hoạt động văn hóa với phát triển du lịch.

- Kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn mặc dù đã được quan tâm đầu tư nâng cấp, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng nhu cầu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khó thu hút nhà đầu tư vào địa bàn.

- Công tác triển khai, xây dựng các khu xử lý rác thải tập trung gặp nhiều khó khăn. Việc xử lý rác thải nông thôn chưa đảm bảo, chưa được thu gom, nhất là việc phân loại rác thải từ đầu nguồn, chất thải từ chăn nuôi chưa được xử lý triệt để gây ô nhiễm môi trường, một số bãi chôn lấp không đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường, chủ yếu là các bãi chứa tạm thời. Hầu hết các xã đã đạt chuẩn xây dựng khu xử lý rác thải tập trung nhưng không sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả.

- An ninh trật tự nông thôn còn nhiều tiềm ẩn về các tệ nạn xã hội, an toàn giao thông...Đời sống vật chất, tinh thần của một bộ phận người dân nông thôn

còn thấp; việc thực hiện chính sách an sinh xã hội còn có những khó khăn, nhiều vấn đề bức xúc trong nông thôn chưa được giải quyết triệt để.

- Một số xã xây dựng nông thôn mới chủ yếu tập trung vào xây dựng cơ sở vật chất, chưa chú trọng đến phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, duy trì nâng cao chất lượng tiêu chí (tiêu chí động), chưa xác định rõ nguồn lực nên khi thực hiện gặp nhiều khó khăn.

- Trong công tác xây dựng cơ bản, thời gian đầu công tác chỉ đạo còn lúng túng, cùng với việc thiếu nhạy bén của chủ đầu tư ở cơ sở, nên để đầu tư tràn lan, thiếu trọng tâm, trọng điểm, không khai thác triệt để nguồn lực từ nhân dân, không phát huy được tính giám sát minh bạch từ nhân dân, một số xã ở giai đoạn đầu còn để xảy ra tình trạng nợ sau khi được công nhận đạt chuẩn.

2.2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

- Điều kiện kinh tế - xã hội các xã còn khó khăn, xuất phát điểm để xây dựng nông thôn mới của các xã thấp (bình quân đạt 6,2 tiêu chí). Nhu cầu vốn đầu tư cho xây dựng nông thôn mới lớn trong khi đó nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện cho các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới còn hạn chế, số còn lại huy động từ nhân dân và nguồn khác, mức độ kinh tế của một số hộ dân ở nông thôn còn thấp, nên huy động nguồn kinh phí đóng góp của nhân dân gặp nhiều khó khăn.

- Kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động, đặc biệt là các biến động tiêu cực, đã ảnh hưởng đến thị trường, đặc biệt là thị trường tiêu thụ nông sản không ổn định, giá cả bấp bênh. Sự biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến phức tạp khó lường, bệnh dịch tả lợn Châu Phi bùng phát lây lan mạnh, gây thiệt hại và ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân.

- Giai đoạn đầu các văn bản hướng dẫn cơ chế, chính sách của Trung ương chưa đồng bộ, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, chưa thực sự trở thành động lực mạnh mẽ trong thực hiện Chương trình và thu hút đầu tư.

- Quá trình công nghiệp hóa đã thu hút một lượng lớn lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp, xây dựng, dịch vụ, đặc biệt là lao động trẻ, dẫn đến thiếu lực lượng sản xuất nông nghiệp.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Công tác tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới ở một số xã chưa liên tục và sâu rộng. Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới còn chưa đầy đủ và thiếu toàn diện, vẫn còn tư tưởng trông chờ vào sự đầu tư từ ngân sách Nhà nước; trình độ, trách nhiệm, khả năng vận động quần chúng của một số cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở còn hạn chế. Một bộ phận người dân chưa tích cực vào cuộc, coi xây dựng nông thôn mới là của chính quyền; chưa phát huy hết sức mạnh của cộng đồng

dân cư tham gia xây dựng nông thôn mới.

- Trong quá trình triển khai thực hiện một số cơ quan, đơn vị của huyện chưa tích cực phối hợp với ngành cấp trên để giúp các xã tháo gỡ vướng mắc, khó khăn. Một số thành viên Ban chỉ đạo, ngành thành viên chưa chủ động phối hợp, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các xã được phân công phụ trách. Một số xã còn lúng túng, chưa phản ánh kịp thời những bất cập về các cơ quan chuyên môn, UBND, Ban chỉ đạo huyện để giải quyết.

- Việc rà soát, đánh giá mức độ đạt chuẩn các tiêu chí ở nhiều xã còn chưa nghiêm túc và sát với thực tế, nên dẫn đến xác định các nội dung, lộ trình thực hiện chưa phù hợp, phải rà đi rà lại nhiều lần. Một số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới có tư tưởng bằng lòng, thỏa mãn với thành tích đạt được, không quan tâm chỉ đạo nâng cao chất lượng các tiêu chí.

- Chưa phát huy triệt để Quy chế dân chủ ở thôn làng, có xã chưa giao cho cộng đồng dân cư thực hiện các hạng mục công trình đơn giản, một số công trình công cộng chưa xác định được nguồn lực đã thực hiện dẫn đến nợ đọng xây dựng cơ bản lớn. Công tác giám sát ở một số cơ sở còn hạn chế, việc huy động nguồn vốn xã hội hoá còn gặp nhiều khó khăn.

3. Bài học kinh nghiệm

Sau 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Tân Yên, những bài học kinh nghiệm được rút ra là:

Một là, xác định phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, là sự nghiệp của toàn đảng, toàn dân và cả hệ thống chính trị. Do đó, cần phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; sự gương mẫu, tiên phong, nòng cốt của cán bộ đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, các ngành. Gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với kết quả tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Hai là, xây dựng nông thôn mới cần có sự sáng tạo trong tổ chức thực hiện, nhất là về quản lý, đầu tư xây dựng công trình có sự đóng góp của nhân dân. Những công trình mang lại lợi ích công cộng và lợi ích cho cộng đồng dân cư nên giao cho các thôn làm theo hình thức “nhân dân tự thực hiện” để giảm các chi phí trung gian; phải thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách trong việc thu hút nguồn lực; phát huy quyền tự chủ của người dân và cộng đồng trong việc quản lý, sử dụng vốn góp để họ thực sự là chủ thể trong quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo cho người dân tham gia theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát và dân hưởng thụ”. Thường xuyên đánh giá kết quả thực hiện để rút kinh nghiệm và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả hơn.

Ba là, phải coi phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập của người dân là trọng tâm của nội dung xây dựng nông thôn mới. Vì vậy, phải đẩy mạnh phát

triển sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, tích cực thu hút doanh nghiệp vào địa bàn đầu tư liên kết sản xuất, tạo ra sản phẩm nông sản có sức cạnh tranh trên thị trường, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và huy động tốt nguồn lực từ đóng góp của nhân dân cho xây dựng nông thôn mới

Bốn là, công tác tuyên truyền, vận động gắn với phong trào thi đua, động viên khen thưởng, nêu gương là chìa khóa để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Thông qua công tác tuyên truyền nhằm khơi dậy niềm tự hào và trách nhiệm của người dân trong việc huy động nguồn lực tham gia xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là phong trào hiến đất, hiến tài sản để xây dựng hạ tầng nông thôn và phát triển sản xuất; phát huy mạnh mẽ vai trò của người dân - chủ thể trong xây dựng nông thôn mới.

Năm là, thường xuyên quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, cập nhật kiến thức, kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở để có đủ năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, nhất là việc cụ thể hóa các quy định thành các nội dung trong hương ước, quy ước của từng thôn, làng.

VI. MỘT SỐ ĐIỂM NỔI BẬT TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA HUYỆN TÂN YÊN

1. Về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông

- Trong giai đoạn 2011-2020, huyện Tân Yên đã tập trung cao trong chỉ đạo phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông; phát huy tốt nội lực, tranh thủ huy động các nguồn vốn của cấp trên để đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo hệ thống điện, đường, trường học, trạm y tế, kênh mương..., góp phần thúc đẩy kinh tế- xã hội của huyện phát triển. Hoàn thành việc xây dựng quy hoạch hệ thống đường giao thông vận tải của huyện đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035. Nhiều tuyến đường giao thông được đầu tư nâng cấp, cải tạo, làm mới; tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, làm thay đổi cơ bản diện mạo giao thông trên địa bàn huyện.

- Trên cơ sở nguồn vốn ngân sách và vốn huy động của nhân dân, đến hết năm 2019 đã nâng cấp được 05 các tuyến đường huyện lên thành đường cấp V; trên 85% đường xã quản lý được cứng hóa; làm tốt công tác quản lý và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 và Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn. Trong giai đoạn 2017-2019, huyện đã tổ chức huy động các nguồn lực tổ chức cứng hóa được trên 689,23 km/1280,29 km; đưa tổng số km đường được cứng hóa và mở rộng trong xây dựng nông thôn mới là 1.296,2 km. Tập trung làm mới, cải tạo một số tuyến đường trọng điểm của huyện để tạo tiền đề phát triển kinh tế- xã hội của huyện: Đường Cao Xá- Lam Cốt; tuyến kênh chính, tuyến Cao Thượng- Phúc Hòa – Tân Sỏi, tuyến Cao Thượng – Liên Chung, Tuyến Quang Tiến –

Lan Giới với tổng kinh phí đầu tư hàng trăm tỷ đồng.

2. Sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao đạt được nhiều kết quả

- Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, gắn với xây dựng chuỗi giá trị trong liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Thực hiện có hiệu quả công tác dồn điền, đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu, vùng sản xuất tập trung. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao và sản xuất; hình thành, duy trì và mở rộng vùng sản xuất tập trung đối với một số sản phẩm chủ lực, đặc trưng của huyện: Vùng sản xuất rau quả chế biến, rau quả thực phẩm, vùng sản xuất lúa chất lượng, vùng sản xuất cây ăn quả (vải sớm, ổi, vú sữa, nhãn muộn, bưởi); chăn nuôi lợn, gà quy mô trang trại; vùng nuôi thủy sản; mở rộng vùng sản xuất cây ăn quả, rau quả thực phẩm, thủy sản đạt tiêu chuẩn VietGAP. Chú trọng xây dựng nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc, bao bì đóng gói sản phẩm. Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất theo hình thức sản xuất nhóm hộ, tổ hợp tác, tham gia vào hợp tác xã, sản phẩm sản xuất ra có thị trường tiêu thụ ổn định.

- Nhân rộng mô hình, hình thành vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại xã Phúc Sơn sản xuất rau, quả, hoa trong nhà màng, nhà lưới; vùng sản xuất cây ăn quả công nghệ cao tại xã Phúc Hòa, An Dương. Xây dựng mô hình hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, khuyến khích hợp tác xã tích tụ đất, đầu tư xây dựng nhà sơ chế, kho bảo quản, kho lạnh để sơ chế, bảo quản, đóng gói sản phẩm, chủ động thị trường tiêu thụ, giá sản phẩm ổn định; nâng cao hiệu quả sản xuất. Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất liên kết theo chuỗi từ khâu tổ chức – quản lý - sản xuất – thu hoạch – sơ chế - bảo quản – chế biến – đóng gói – tiêu thụ sản phẩm.

3. Xây dựng trường học đạt chuẩn:

- Quan tâm đầu tư, đồng thời chỉ đạo các xã thực hiện xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng chuẩn và hiện đại. Vì vậy, cơ sở vật chất trường lớp học của huyện ngày càng được tăng cường, cảnh quan sư phạm các trường xanh, sạch, đẹp; đồ dùng, trang thiết bị dạy học được bổ sung thường xuyên đảm bảo yêu cầu dạy và học. Công tác xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực để xây dựng phòng học, phòng chức năng kiên cố, cao tầng đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tỷ lệ phòng học kiên cố của huyện đạt 95% (mầm non đạt 85,6%, tiểu học đạt 91,6%, THCS đạt 97,8%, THPT công lập đạt 100%), cao hơn so với bình quân chung của tỉnh hiện là 87,5%. Đến nay huyện Tân Yên đã có 72/75 (đạt 96%) trường đạt chuẩn (tăng 32 trường so với năm 2010). Công tác phổ cập giáo dục được duy trì vững chắc và nâng cao chất lượng hàng năm. Huyện được công nhận phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; phổ cập trung học cơ sở mức độ 2, phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi.

4. Lĩnh vực văn hóa thông tin có nhiều nét mới, sáng tạo đã và đang có sự lan tỏa tích cực trong đời sống xã hội

- Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa có nhiều nét mới, luôn đứng trong tốp đầu của tỉnh đặc biệt là trong phong trào xây dựng Khu dân cư văn hóa giai đoạn 2011-2020; huyện đã xây dựng thành công 3 danh hiệu văn hóa riêng để từng bước xây dựng phong trào “Tân Yên miền quê đáng sống” đó là: (1) Xây dựng danh hiệu Khu dân cư văn hóa xanh, sạch, đẹp với cơ chế mỗi đơn vị đạt danh hiệu được hỗ trợ bằng hiện vật 10 triệu đồng/Khu; (2) Khu dân cư văn hóa điển hình với cơ chế hỗ trợ 50 triệu đồng/Khu; (3) Khu dân cư văn hóa điển hình sáng, xanh, sạch, đẹp với cơ chế thưởng 20 triệu đồng/Khu.

- Trong thực hiện việc cưới, việc tang và lễ hội, đặc biệt là trong việc tang huyện đã xây dựng riêng một quy định về thực hiện việc tang trên địa bàn huyện và ban hành Nghị quyết hỗ trợ hỏa táng cho người chết 5 triệu đồng/1 trường hợp (hỗ trợ trong 02 năm 2015-2016) nhằm khuyến khích hoạt động hỏa táng tại các khu vực dân cư trên địa bàn huyện...

- Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển mạnh 100% các thôn làng đều có ít nhất 2 CLB thể thao, hàng năm cung cấp nhiều vận động viên năng khiếu cho tỉnh, 10 năm liên tục xếp thứ nhất về thành tích huy chương tại các giải đấu của tỉnh; huyện đã có 2 VĐV đạt huy chương bạc seagame, 3 kỳ Đại hội thể dục thể thao đứng đầu 10 huyện thành phố.

- Các thiết chế văn hóa, thể thao thường xuyên được quan tâm đầu tư, phục vụ tốt các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội, một số công trình tiêu biểu được khánh thành đưa vào sử dụng như: Khu lưu niệm phát tích 6 điều Bác Hồ dạy Công an Nhân dân 2,5ha; Quảng trường Lương Văn Năm 2,7ha; Đền thờ liệt sỹ; Nhà truyền thống rộng 1.000 m²; hoàn thiện quy hoạch 12 điểm di tích Quốc gia đặc biệt cuộc khởi nghĩa Nông dân Yên Thế.

- Các hoạt động văn hóa văn nghệ diễn ra sôi nổi, trên địa bàn huyện đã xuất hiện nhiều tập thể, cá nhân điển hình như: Câu lạc bộ Hát ví – Hát ống (Liên Chung), Câu lạc bộ hát chèo Làng Hạ (Cao Thượng), CLB Thơ đường...Đặc biệt là Câu lạc bộ Hát ví – Hát ống (Liên Chung) mới được khôi phục hoạt động vào năm 2012 nhưng Câu lạc bộ hoạt động rất tích cực, Câu lạc bộ đã vinh dự được biểu diễn phục vụ tại Lễ đón nhận Bằng công nhận xếp hạng di tích Cấp Quốc Gia đặc biệt những địa điểm khởi nghĩa Yên Thế tỉnh Bắc Giang năm 2012, tại lễ khai mạc Hội thơ Việt Nam tổ chức tại Bắc Giang năm 2019....

- Trong lĩnh vực thông tin truyền thông: huyện đã chủ động tranh thủ sự hỗ trợ của cấp trên nâng cấp thay mới 15 đài truyền thanh xã bằng công nghệ không dây đảm bảo phục vụ tốt cho công tác tuyên truyền; chỉ đạo xây dựng công thông tin điện tử ở 22/22 xã, thị trấn kết nối với công thông tin điện tử của huyện, tỉnh đầu tiên ở tỉnh Bắc Giang.

5. Ban hành các cơ chế và thực hiện huy động nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới hiệu quả

- Cùng với chính sách hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh, UBND huyện đã ban hành nhiều chương trình, cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân, đóng góp xây dựng nông thôn mới như: Nghị quyết số 08/2013/NQ-HĐND ngày 28/6/2013 của Hội đồng nhân dân huyện Tân Yên quy định nội dung và mức hỗ trợ khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung; Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND của HĐND về quy định nội dung, mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2020; Nghị quyết 48/2015/NQ-HĐND ngày 21/12/2015 của HĐND huyện về hỗ trợ phát triển sản xuất cây ăn quả giai đoạn 2016-2020. Đồng thời UBND huyện ban hành cơ chế hỗ trợ hàng năm: hỗ trợ sản xuất tại cánh đồng mẫu, vùng sản xuất hàng hóa tập trung; hỗ trợ thực hiện Đề án phát triển vùng sản xuất vú sữa tập trung giai đoạn 2018-2020, Đề án sản xuất ôi hàng hóa ODL1 giai đoạn 2018-2020; Đề án phát triển sản xuất cây dược liệu giai đoạn 2015-2020; Hỗ trợ chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP, truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực, đặc trưng của huyện; hỗ trợ kho lạnh bảo quản sản phẩm phục vụ chế biến xuất khẩu; hỗ trợ thiết kế, nâng cấp mẫu mã bao bì sản phẩm; hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, quảng bá, xây dựng thương hiệu sản phẩm.

Phần thứ ba

KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ

I. QUAN ĐIỂM

Quan triết quan điểm: *“Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là chiến lược, xây dựng nông thôn mới là căn bản, tái cơ cấu nông nghiệp là then chốt, người nông dân là chủ thể”* và *“Xây dựng nông thôn mới là quá trình liên tục, lâu dài, có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc”*. Đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao đời sống cho người dân tạo nguồn lực hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, thực hiện hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm và khuyến khích doanh nghiệp, Hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, lấy doanh nghiệp, Hợp tác xã là trung tâm, hộ gia đình là hạt nhân; thực hiện hiệu quả vấn đề môi trường nông thôn, trọng tâm là thu gom, vận chuyển rác thải về nơi xử lý tập trung, xóa bỏ điểm tồn lưu rác thải.

II. MỤC TIÊU

- Cấp huyện phấn đấu đạt bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao
- Cấp xã: Có ít nhất 7/20 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (theo Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang) và 02 xã đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu (theo Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 5/6/2018).

- Mỗi xã có ít nhất 01 thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới kiểu mẫu, nâng tổng số thôn nông thôn mới kiểu mẫu đạt 20-25 thôn.

- Các xã đã đạt chuẩn giữ vững các tiêu chí, nâng cao các tiêu chí đã đạt.

- Các công trình hạ tầng thiết yếu (giao thông, điện, nước, trường học, trạm y tế) đảm bảo tính kết nối, liên thông và đảm bảo cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn được nâng lên, thu nhập bình quân tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2020.

III. NỘI DUNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

1. Đối với việc nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới tại các xã:

Các xã xây dựng kế hoạch cụ thể duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới; xác định tiêu chí cần nâng cao chất lượng (1-2 tiêu chí/xã) để phấn đấu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; mỗi xã lựa chọn tối thiểu 01 thôn triển khai xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

1.1. Về quy hoạch: Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các quy hoạch để đảm bảo tính phù hợp phát triển kinh tế và điều kiện thực tế địa phương; triển khai thực hiện tốt quản lý quy hoạch đã được phê duyệt.

1.2. Về hạ tầng kinh tế - xã hội

a) *Giao thông:* Tiếp tục triển khai thực hiện tốt kế hoạch cải tạo, duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường; xây dựng mới, mở rộng các tuyến đường huyện, xã, đường liên thôn, tiếp tục cải tạo, cứng hóa đường nội đồng để phục vụ phát triển kinh tế xã hội địa phương. Tuyên truyền, vận động người dân nâng cao ý thức, chấp hành Luật Giao thông đường bộ, không vi phạm hành lang an toàn giao thông, từ đó xây dựng được nét đẹp văn hóa trong tham gia giao thông.

b) *Thủy lợi:* Tiếp tục rà soát đầu tư, cải tạo, nâng cấp hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi để đảm bảo cho công tác phòng chống thiên tai, đáp ứng được yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; đầu tư cứng hóa các tuyến kênh mương do xã quản lý, đặc biệt tập trung vào các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, vùng sản xuất chuyên canh.

c) *Trường học:* Đầu tư xây dựng, nâng cấp các phòng học, phòng chức năng đảm bảo 100% các trường đạt chuẩn, từng bước nâng cao chất lượng trường chuẩn quốc gia; mở rộng quy mô trường, lớp học để đáp ứng nhu cầu dạy và học theo quy định và đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giáo dục. Nâng cao chất lượng dạy và học. Quan tâm cải tạo cảnh quan, vệ sinh môi trường, duy trì kỷ cương nề nếp trong giảng dạy và học tập.

1.3. Văn hóa, y tế, môi trường

a) *Về văn hóa:* Tiếp tục đẩy mạnh Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa” trên địa bàn toàn huyện; thường xuyên rà soát, điều chỉnh hương ước, quy ước của các thôn cho phù hợp với yêu cầu phát triển và quản lý xã hội. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa; bảo tồn và phát huy các di tích lịch sử, văn hoá. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Văn hóa-Thông tin và Thể thao huyện bằng việc thường xuyên kết nối có hiệu quả các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao với các địa phương trong huyện.

b) *Về y tế:* Thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí trong xây dựng chuẩn quốc gia về y tế xã. Nâng cao cơ sở hạ tầng và chất lượng khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện. Tiếp tục đầu tư nâng cấp và xây dựng cơ chế khuyến khích để thu hút bác sỹ giỏi về làm việc tại Trung tâm Y tế huyện nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đảm bảo công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 100%; tỷ lệ trẻ e dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 20%.

c) *Về môi trường*

- Tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân trong tham gia bảo vệ môi trường; thực hiện tốt việc phân loại rác tại hộ gia đình, hạn chế sử dụng túi nilon, rác thải nhựa, không phát sinh các trường hợp gây ô nhiễm môi trường, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, xây dựng môi trường sống lành mạnh. Mặt trận tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội từ huyện đến cơ sở phát huy vai trò nòng cốt, tích cực vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia vệ sinh môi trường, không có hoạt động gây suy giảm môi trường; phát động, duy trì thực hiện thường xuyên phong trào “Xây dựng làng xã sáng-xanh-sạch-đẹp”, tiếp tục thực hiện có hiệu quả phong trào “5 không 3 sạch” “Ngày chủ nhật xanh” của Hội Phụ nữ; duy trì hoạt động của Hội Cựu Chiến binh, Hội nông dân, Đoàn thanh niên vệ sinh đường làng ngõ xóm, khơi thông cống rãnh, vệ sinh nơi công cộng góp phần tạo môi trường Xanh - Sạch - Đẹp.

1.4. Kinh tế và tổ chức sản xuất

- Thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Nghị quyết 401-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035. Thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa chủ lực gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp. Mở rộng và nâng cao chất lượng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, mỗi xã có 01 sản phẩm OCOP đạt 4 sao trở lên. Tỷ lệ cơ giới hóa các khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch trong sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực đạt trên 85%.

1.5. Hệ thống chính trị, an ninh trật tự

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức nhất là công chức cấp xã.

- Làm tốt công tác tiếp công dân, xử lý và giải quyết dứt điểm các vụ việc, không để khiếu kiện đông người, vượt cấp. Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền pháp luật cho nhân dân; thực hiện tốt công tác hòa giải tại cơ sở.

- Tăng cường thực hiện các giải pháp đảm bảo an ninh trật tự xã hội như trấn áp tội phạm, rắn đe, giáo dục giảm thiểu tệ nạn xã hội.

- Phát huy vai trò của nhân dân trong giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn; thực hiện việc đưa lực lượng công an chính quy về làm Trưởng công an xã; đồng thời nhân rộng và phát huy hiệu quả các mô hình tự quản đảm bảo giữ vững an ninh trật tự xã hội thông qua phát huy vai trò của các trưởng thôn, người đứng đầu dòng họ.

2. Đối với việc nâng cao chất lượng tiêu chí cấp huyện và định hướng xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao

2.1. Về nâng cao chất lượng các tiêu chí cấp huyện: 100% các tuyến đường huyện được duy tu thường xuyên, các tuyến đường do huyện quản lý có đầy đủ hệ thống cống thoát nước, điện chiếu sáng; được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa dọc hai bên đường; nâng tỷ lệ kênh mương liên xã được cứng hóa trên 90%. Hình thành vùng sản xuất tập trung rau củ quả với diện tích 400 - 500 ha được sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap có liên kết sản xuất; phát triển chuỗi liên kết trong phát triển sản xuất, phấn đấu trên 50% diện tích sản xuất sản phẩm chủ lực của huyện sản xuất theo chuỗi liên kết. Tiến tới có ít nhất 2 vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung được cấp mã vạch; có tối thiểu 3 mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện, được đánh giá sản phẩm OCOP đạt chuẩn 5 sao.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc thu gom xử lý rác thải trên địa bàn huyện theo quy định. Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn. Chất thải rắn trên địa bàn khu dân cư tập trung được thu gom, xử lý theo quy định; mỗi thôn có ít nhất 01 mô hình xử lý nước thải sinh hoạt phân tán quy mô hộ hoặc nhóm hộ. Nâng tỷ lệ phân loại rác thải tại nguồn đạt trên 50%; Tỷ lệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện dưới 30%.

2.2. Về định hướng xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao

Hiện nay, Trung ương đang chỉ đạo xây dựng thí điểm huyện nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng dự thảo Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới kiểu mẫu. Trong thời gian tới, trên cơ sở chỉ đạo của Trung ương; huyện Tân Yên sẽ xây dựng lộ trình, các bước cụ thể, tiếp tục chỉ đạo xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao; phấn đấu hoàn thành xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao trong giai đoạn 2020-2025. Tập trung vào các nội dung tiếp tục nâng cấp, mở rộng hệ thống cơ sở hạ tầng, giao thông; đầu tư

trường, lớp học; hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng các vùng tập trung sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nâng cao giá trị sản xuất trên một đơn vị đất canh tác, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, xây dựng và phát triển các sản phẩm đặc trưng, tiềm năng theo chương trình OCOP trên địa bàn huyện; xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn đáng sống.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

1. Tiếp tục quán triệt và triển khai chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về thực hiện Chương trình với quan điểm, phương châm "*Xây dựng nông thôn mới là quá trình liên tục, lâu dài, có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc, là nhiệm vụ thường xuyên và của cả hệ thống chính trị*" do đó phải thực chất, lấy việc nâng cao đời sống của người dân làm mục tiêu; xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị, cần phải kiên trì, tập trung cao lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

2. Thực hiện có hiệu quả Kết luận số 54-KL/TW ngày 7/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Trên cơ sở tổng kết thực hiện Nghị quyết, các xã xây dựng kế hoạch về xây dựng nông thôn mới để phục vụ việc xây dựng báo cáo chính trị trình đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021-2025 theo từng năm, gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện, xác định đây là thước đo để đo sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền đối với đời sống người dân.

3. Tiếp tục phối hợp với cơ quan thông tin truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về Chương trình nhằm nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và người dân để khơi dậy được tiềm năng, lợi thế của địa phương trong phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an ninh trật tự...; ban hành, phát động phong trào thi đua "*Tân Yên chung sức xây dựng nông thôn mới*" giai đoạn 2021-2025 và thực hiện hiệu quả cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*" để tiếp tục huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị và người dân trong thực hiện Chương trình; đưa nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới hàng tháng vào thông tin nội bộ của huyện.

4. Rà soát, hoàn thiện đồ án quy hoạch vùng huyện tại các xã, TT đảm bảo phù hợp Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, xác định rõ vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung và định hướng phát triển kinh tế - xã hội thời gian tới.

5. Phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo bền vững theo chiều sâu là gốc của Chương trình nông thôn mới.

Đẩy mạnh triển khai tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị gia

tăng gắn với xây dựng nông thôn mới (*trong đó, ưu tiên phát triển các thế mạnh của vùng về cây ăn quả, cây rau quả thực phẩm, chăn nuôi lợn, gia cầm, thủy sản...*). Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng cơ bản ở nông thôn, xây dựng vùng nguyên liệu nông sản tập trung đáp ứng tiêu chuẩn quản lý chất lượng (VietGap, GlobalGap) ...; Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng và đặc sản, thế mạnh của địa phương theo Chương trình OCOP gắn với xây dựng thương hiệu, bao bì nhãn mác sản phẩm, truy xuất nguồn gốc; đẩy mạnh xúc tiến thương mại sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP Bắc Giang nhất là các sản phẩm chủ lực của huyện như: cây ăn quả, rau quả chế biến, rau quả thực phẩm, lợn sạch, gia cầm, thủy sản...

Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất nhất là Hợp tác xã nông nghiệp, ưu tiên nguồn vốn để hỗ trợ các Hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả theo Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh. Triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh, tạo môi trường thuận lợi khuyến khích doanh nghiệp, Hợp tác xã tích tụ ruộng đất, thuê lại ruộng đất của người dân hoặc đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp để hình thành vùng sản xuất tập trung, liên kết theo chuỗi giá trị với phương châm *“Doanh nghiệp, Hợp tác xã là trung tâm, hộ gia đình là hạt nhân”*.

6. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng cơ bản ở nông thôn, duy tu, nâng cấp công trình đã đầu tư; có chính sách đột phá, ưu tiên nguồn lực hỗ trợ hoàn thiện cơ sở hạ tầng trên địa bàn những xã khó khăn, chú trọng đầu tư cho các công trình cấp thôn, bản nhằm cải thiện trực tiếp điều kiện sinh hoạt và sản xuất của người dân; có cơ chế tập trung hỗ trợ xây dựng hệ thống thủy lợi, nâng cấp, cải tạo hồ đập, trạm bơm tưới, tiêu, giao thông nội đồng, đường điện phục vụ các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, thâm canh cao.

7. Nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, bài trừ tệ nạn xã hội để nâng cao đời sống tinh thần của người dân nông thôn. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”* gắn với xây dựng nông thôn mới; Bảo tồn và phát huy sự đa dạng về văn hóa của các dân tộc, từng bước khảo sát xây dựng mô hình du lịch cộng đồng gắn với vùng sản xuất cây ăn quả, vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao làm cơ sở để nhân rộng các mô hình. Tăng cường nâng cao chất lượng công tác giáo dục, đào tạo cũng như đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với chương trình, đề án cụ thể trên địa bàn, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo, nâng cao chất lượng lao động.

8. Sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường: Bảo vệ, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, trước hết là đất đai, nguồn nước. Thực hiện tốt

bảo vệ môi trường, khắc phục và xử lý có hiệu quả rác thải, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường đặc biệt là các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, cơ sở chăn nuôi... Tăng cường bảo vệ môi trường nông thôn (thu gom xử lý nước thải, chất thải, bao gói thuốc bảo vệ thực vật,...), cải tạo cảnh quan môi trường, trong đó tập trung nhân rộng phát triển các mô hình thôn, làng xanh, sạch đẹp.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới của huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011 - 2020. UBND huyện Tân Yên kính trình UBND tỉnh Bắc Giang thẩm tra; đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Tân Yên đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- UBND tỉnh Bắc Giang;
- BCĐ xây dựng NTM tỉnh;
- Các Sở, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- TT. Huyện ủy, TT. HĐND huyện;
- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Ban chỉ đạo xây dựng NTM huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Dương Ngô Mạnh

